

LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay đang bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức. Điều đó buộc các doanh nghiệp phải cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Các hoạt động kinh tế cũng dần thay đổi để phù hợp với guồng máy, xu hướng chung của xã hội. Với bất kì một doanh nghiệp nào dù đó là quốc doanh, liên doanh hay tư nhân thì việc cân nhắc tính toán để đạt được hiệu quả cao nhất trong thời buổi kinh tế thị trường là điều luôn được chú trọng. Nhưng để đạt được điều ấy các nhà quản lí ngoài việc nắm bắt thị trường, nắm bắt tình hình bên ngoài để định hướng cho doanh nghiệp thì không thể quên việc suy xét trong nội bộ doanh nghiệp, giữa những yếu tố bên ngoài và bên trong. Sự nhìn nhận hai mặt ấy mới giúp doanh nghiệp đi đúng hướng vừa phù hợp với hoàn cảnh bên ngoài vừa phù hợp với khả năng bên trong của bản thân. Bất kì một lĩnh vực kinh doanh nào đều có ý nghĩa là tập hợp các phương tiện và con người để tạo ra của cải vật chất cho doanh nghiệp và cho xã hội. Khi chế độ quản lí kinh tế tài chính có sự thay đổi nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của quản lí ở tầm vĩ mô và vi mô, hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng trong quản lí kinh doanh ở các doanh nghiệp. Đó là công cụ hiệu lực nhất để điều hành quản lí các hoạt động, tính toán và kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn nhằm chủ động trong kinh doanh và tự chủ về tài chính trong doanh nghiệp.

Để nắm bắt được yếu tố bên ngoài thì các doanh nghiệp phải nắm bắt được giá cả, nhận định tình hình thời cuộc, xem xét được nhu cầu thị trường. Còn để nắm bắt được yếu tố nội bộ thì phải tiến hành phân tích tình hình tài chính.

Tất cả các con số tài chính sẽ biểu hiện tình trạng sản xuất kinh doanh một cách nhanh nhất thực chất nhất. Cũng nhờ các con số tài chính mà chủ thể doanh nghiệp hay các nhà quản lí kinh tế có thể định hướng cho doanh nghiệp phát triển hoặc đón đầu sự suy vong để chuyển hướng hoặc có biện pháp khắc phục. Tình hình tài chính là vấn đề được rất nhiều đối tượng quan tâm, đó là các nhà đầu tư, các nhà cho vay, khách hàng và bạn hàng.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Xuất phát từ vấn đề đó, cùng với sự định hướng của cô giáo hướng dẫn ***Giang Thị Xuyên*** em quyết định lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện lập và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH TM Vận tải Nhật Hoàng***”.

Bài luận văn của em ngoài nội dung và kết luận gồm 3 chương chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Chương 2: Thực tế tổ chức lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM- Vận Tải Nhật Hoàng

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh đối với công ty TNHH TM- Vận tải Nhật Hoàng

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1.1 Báo cáo kế toán doanh nghiệp và sự cần thiết phải thiết lập hệ thống báo cáo kế toán doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm báo cáo tài chính (BCTC)

Báo cáo kế toán là phương pháp kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính nhất định; phản ánh tình hình tài sản của đơn vị tại một thời điểm; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình sử dụng vốn trong một thời gian nhất định của đơn vị; phục vụ cho các đối tượng sử dụng thông tin kế toán để nhận biết tình hình kinh tế tài chính, quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị và đề ra các quyết định cần thiết.

Theo quy định hiện hành thì hệ thống BCTC doanh nghiệp Việt Nam gồm 04 báo cáo:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

1.1.1.2. Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế

Các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định kinh doanh thì họ đều căn cứ vào điều kiện hiện tại và những dự đoán về tương lai, dựa trên những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được. Những thông tin đáng tin cậy đó được các doanh nghiệp lập trên các BCTC.

Xét trên tầm vi mô, nếu không thiết lập hệ thống BCTC thì khi phân tích tình hình tài chính kế toán hoặc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các nhà đầu tư, chủ nợ, khách hàng sẽ không có cơ sở để biết về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho nên họ khó có

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

thể đưa ra các quyết định hợp tác kinh doanh và nếu có thì các quyết định sẽ có mức rủi ro cao.

Xét trên tầm vĩ mô, nhà nước sẽ không thể quản lý được hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các ngành khi không có hệ thống BCTC. Bởi vì mỗi chu kỳ kinh doanh của một doanh nghiệp bao gồm rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế và có rất nhiều các hoá đơn, chứng từ... Việc kiểm tra khối lượng các hoá đơn, chứng từ đó là rất khó khăn, tốn kém và độ chính xác không cao. Vì vậy nhà nước phải dựa vào hệ thống BCTC để quản lý và điều tiết nền kinh tế, nhất là đối với nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, hệ thống BCTC là rất cần thiết đối với mọi nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường hiện nay của đất nước ta.

1.1.1.3 ý nghĩa của việc lập báo cáo tài chính doanh nghiệp

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản
- Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác
- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
- Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán
- Các luồng tiền

Ngoài các thông tin này doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày báo cáo tài chính

1.1.2 Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo chế độ hiện hành

Theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC Ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

1.1.2.1 Mục đích của việc lập báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa được lập với mục đích sau:

(1) Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản, nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính.

(2) Cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm tài chính đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của báo cáo tài chính là căn cứ quan trọng cho việc đề ra những quyết định về quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư vào các doanh nghiệp của các chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước.

1.1.2.2. Tác dụng của Báo cáo tài chính

- Đối với nhà quản lý doanh nghiệp: BCTC cung cấp những chỉ tiêu kinh tế dưới dạng tổng hợp sau một kỳ hoạt động giúp cho họ trong việc phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, xác định nguyên nhân tồn tại và những khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Từ đó đề ra các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp mình trong tương lai.

- Đối với các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước: BCTC là nguồn tài liệu quan trọng cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách, chế độ về quản lý kinh tế - tài chính của doanh nghiệp. Ví dụ như:

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

+ Cơ quan thuế: Kiểm tra tình hình thực hiện và chấp hành các loại thuế, xác định chính xác số thuế phải nộp, đã nộp, số thuế được khấu trừ, miễn giảm của doanh nghiệp...

+ Cơ quan tài chính: Kiểm tra, đánh giá tình hình và hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp Nhà nước, kiểm tra việc chấp hành các chính sách quản lý nói chung và chính sách quản lý vốn nói riêng...

- Đối với các đối tượng sử dụng khác, như:

+ Các chủ đầu tư: BCTC thể hiện tình hình tài chính, khả năng sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, khả năng sinh lời, từ đó làm cơ sở tin cậy cho quyết định đầu tư vào doanh nghiệp.

+ Các chủ nợ: BCTC cung cấp các thông tin về khả năng thanh toán của doanh nghiệp, từ đó chủ nợ đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc cho vay đối với doanh nghiệp.

+ Các khách hàng: BCTC cung cấp các thông tin mà từ đó họ có thể phân tích được khả năng cung cấp của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc mua bán với doanh nghiệp.

+ CBCNV : BCTC giúp CBCNV hiểu rõ hơn tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó giúp họ ý thức hơn trong sản xuất, đó là điều kiện gia tăng doanh thu và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường.

1.1.2.3 Đối tượng áp dụng

Hệ thống báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Các hợp tác xã cũng áp dụng Hệ thống báo cáo tài chính năm quy định tại chế độ kế toán này.

Hệ thống báo cáo tài chính năm này không áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH Nhà nước một thành viên, công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán, hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa

(1) Báo cáo tài chính quy định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

Báo cáo bắt buộc

- | | |
|---|-------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán: | Mẫu số B 01 - DNN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: | Mẫu số B 02 - DNN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: | Mẫu số B 09 - DNN |

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu sau:

- | | |
|---------------------------|------------------|
| - Bảng Cân đối tài khoản: | Mẫu số F 01- DNN |
|---------------------------|------------------|

Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

- | | |
|------------------------------|----------------|
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DNN |
|------------------------------|----------------|

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có thể lập thêm các báo cáo tài chính chi tiết khác.

1.1.2.4 Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính

(1) Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi báo cáo tài chính:

a. Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống báo cáo tài chính này phải lập và gửi báo cáo tài chính năm theo đúng quy định của chế độ này.

b. Đối với các công ty TNHH, công ty cổ phần và các hợp tác xã thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

c. Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

(2) Nơi nhận báo cáo tài chính năm được quy định như sau:

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Loại hình doanh nghiệp	Nơi nhận báo cáo tài chính		
	Cơ quan Thuế	Cơ quan đăng ký kinh doanh	Cơ quan Thống kê
1- Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân.	x	x	x
2- Hợp tác xã	x	x	

(3) Danh mục và biểu mẫu báo cáo tài chính

a. Danh mục báo cáo tài chính doanh nghiệp vừa và nhỏ

- 1. Bảng Cân đối kế toán - Mẫu số B01-DNN
- 2. Bảng Cân đối tài khoản - Mẫu số F01-DNN
- 3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu số B02-DNN
- 4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DNN
- 5. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DNN

b. Danh mục báo cáo tài chính hợp tác xã

- 1. Bảng Cân đối Tài khoản - Mẫu số B01-DNN/HTX
- 2. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Mẫu số B02-DNN
- 3. Bản Thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DNN/HTX

1.1.2.5 Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin tin cậy khi:

+ Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

+ Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng;

+ Trình bày khách quan, không thiên vị;

+ Tuân thủ nguyên tắc thận trọng;

+ Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

- Trung thực và hợp lý

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kì kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

1.1.2.6 Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ 6 nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “ Trình bày báo cáo tài chính”, gồm :

- Hoạt động liên tục

- Trọng yếu và tập hợp

- Cơ sở dồn tích

- Nguyên tắc bù trừ

- Nhất quán

- Nguyên tắc có thể so sánh được

- Nguyên tắc hoạt động liên tục: Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động và kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

- Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền. Theo nguyên tắc này, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kế hoạch hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc này không cho phép ghi nhận trên Bảng

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

cân đối kế toán những khoản mục không thoả mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

- Nguyên tắc nhất quán: Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ kế toán này sang niên độ kế toán khác, trừ khi: Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện, hoặc:

Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

- Nguyên tắc trọng yếu và tập hợp: Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hay chức năng. Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể, tính chất hoặc quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu.

Theo nguyên tắc trọng yếu, doanh nghiệp không nhất thiết phải tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính của các chuẩn mực kế toán cụ thể nếu các thông tin cần trình bày không có tính trọng yếu.

- Nguyên tắc bù trừ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày báo cáo tài chính không được bù trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ. Các khoản doanh thu, thu nhập khác và chi phí khác được bù trừ khi:

- Quy định tại một chuẩn mực kế toán khác, hoặc:

- Một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi nhận giao dịch và trình bày báo cáo tài chính. Ví dụ, Hoạt động kinh doanh chứng khoán ngắn hạn, kinh doanh ngoại tệ. Các khoản mục bù trừ sẽ được trình bày số lãi (hoặc lỗ) thuần.

- Nguyên tắc có thể so sánh được: Các thông tin số liệu trong báo cáo tài chính phải được trình bày tương ứng giữa các kỳ. Để đảm bảo nguyên tắc so sánh, số liệu

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

“năm trước” trong báo cáo tài chính phải được điều chỉnh lại số liệu trong các trường hợp sau:

- Năm báo cáo áp dụng chính sách kế toán khác với năm trước.
- Năm báo cáo phân loại chỉ tiêu báo cáo khác với năm trước.
- Kỳ kế toán “năm báo cáo” dài hoặc ngắn hơn kỳ kế toán năm trước.

Ngoài ra, trong bản thuyết minh báo cáo tài chính còn phải trình bày rõ lý do của sự thay đổi trên để người sử dụng hiểu rõ được báo cáo tài chính.

Việc thuyết minh báo cáo tài chính phải căn cứ vào yêu cầu trình bày thông tin quy định trong các chuẩn mực kế toán. Các thông tin trọng yếu phải được giải trình để giúp người đọc hiểu đúng thực trạng tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.1.2.7 Kỳ lập báo cáo tài chính

a. Kỳ lập báo cáo tài chính năm

Các doanh nghiệp phải lập BCTC theo kì kế toán năm là năm dương lịch hoặc kì kế toán năm là 12 tháng sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kì kế toán năm dẫn đến việc lập BCTC cho kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không vượt quá 15 tháng

b. Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính.

1.2 NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.2.1. Khái niệm về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh khái quát tình hình kết quả kinh doanh trong mỗi kỳ kế toán doanh nghiệp, chi tiết cho từng hoạt động sản xuất kinh doanh (bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và hoạt động khác), tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước về thuế và các khoản phải nộp khác.

Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp gồm có 2 nội dung chính:

- Báo cáo kết quả kinh doanh thông thường (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận)

- Kết quả kinh doanh khác (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận khác)

1.2.2 Kết cấu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo gồm có 5 cột:

- Cột số 1: các chỉ tiêu báo cáo
- Cột số 2 : Mã số của các chỉ tiêu tương ứng
- Cột số 3 : Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện chỉ tiêu trên bản thuyết minh báo cáo tài chính
- Cột số 4 : Tổng số phát sinh trong kì báo cáo năm
- Cột số 5 : Số liệu của năm trước (để so sánh)

Bảng mẫu biểu Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mẫu biểu 1.1(trang 13)

1.2.3 Vai trò của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh là báo cáo tài chính quan trọng cho nhiều đối tượng khác nhau nhằm phục vụ:

- Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.
- Việc đánh giá xu hướng phát triển của doanh nghiệp qua các thời kỳ.
- Kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí sản xuất, giá vốn, doanh thu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, thu nhập của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác sau một kỳ kế toán.

- Kiểm tra được tình hình thực hiện, trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước về các khoản thuế và các khoản phải nộp khác.

1.2.4 Cơ sở và nội dung lập báo cáo kết quả kinh doanh

1.2.4.1 Cơ sở lập báo cáo kết quả kinh doanh

- + Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước.
- + Căn cứ sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kì dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Mẫu biểu 1.1

Đơn vị:.....

Mẫu số B 02 – DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm ...

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Lập, ngàytháng.....năm

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

1.2.4.2 Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

+ “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi lập BCTC tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

+ Số hiệu ghi vào cột 3 ”Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong bản thuyết minh báo cáo tài chính năm.

+ Số liệu ghi cột 5 “ Năm trước” của báo cáo kì này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK 512” Doanh thu bán hàng nội bộ” trong năm báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật kí – sổ cái.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kì báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ TK511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và TK512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ “ đối ứng với bên Có các TK521 “ Chiết khấu thương mại”, TK531 “ Hàng bán bị trả lại”, TK532 “ Giảm giá hàng bán”, TK333 “ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”(TK3331, 3332, 3333) trong kì báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật kí sổ cái.

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số10)

Chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, BĐS đầu tư và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (Chiết khấu thương mại, giảm giá

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp) trong kì báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Mã số 10 = Mã số 01 – Mã số 02

4. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng giá vốn hàng hoá, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối dịch vụ hoàn thành đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán trong kì báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Có TK 632 “ Giá vốn hàng bán “ trong kì báo cáo đối ứng bên Nợ của TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trên Sổ cái hoặc Nhật kí sổ cái.

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng hoá, thành phẩm, BDS đầu tư và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán phát sinh trong kì báo cáo.

Mã số 20 = Mã số 10 – Mã số 11

6. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thuần (Tổng doanh thu trừ Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (nếu có) liên quan đến hoạt động khác) phát sinh trong kì báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Nợ TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” đối ứng bên Có tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kì báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật kí sổ cái.

7. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí tài chính, gồm tiền lãi vay phải trả, chi phí bản quyền, chi phí hoạt động liên doanh,... phát sinh trong kì báo cáo của DN. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 “ Chi phí tài chính” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kì báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật kí sổ cái.

Chi phí lãi vay (Mã số 22)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí lãi vay phải trả được tính vào chi phí tài chính trong kì báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào sổ kế toán chi tiết tài khoản 635.

8. Chi phí quản lý kinh doanh (Mã số 24)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng chi phí bán hàng hoá, và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kì báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên Có tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng ”, đối ứng bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trong kì báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật kí sổ cái.

9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)

Chỉ tiêu này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì báo cáo. Chỉ tiêu này được tính toán trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cộng (+) Doanh thu hoạt động tài chính trừ (-) Chi phí tài chính, Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kì báo cáo.

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}.$$

10. Thu nhập khác (Mã số 31)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác (sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp), phát sinh trong kì báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên nợ của TK711 “ Thu nhập khác” đối ứng bên có TK911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trong kì báo cáo trên sổ cái hoặc Nhật kí – Sổ Cái.

11. Chi phí khác (Mã số 32)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản chi phí khác phát sinh trong kì báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có tài khoản 811 “ Chi phí khác” đối ứng bên Nợ tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trong kì báo cáo trên Sổ cái hoặc Nhật kí – Sổ cái

12. Lợi nhuận khác (Mã số 40)

Chỉ tiêu này phản ánh số chênh lệch giữa thu nhập khác (Sau khi đã trừ thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp) với chi phí khác phát sinh trong kì báo cáo.

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong năm báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác phát sinh trong kì báo cáo .

Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40.

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu được ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK8211 “ Chi phí thuế TNDN hiện hành” đối ứng bên nợ tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK8211, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ tài khoản 8211 đối ứng bên Có tài khoản 911 trong kì báo cáo, ({trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)} trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 8211)

15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)

Chỉ tiêu này phản ánh tổng lợi nhuận thuần (hoặc lỗ) sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp (Sau khi trừ chi phí thuế thu nhập DN) phát sinh trong năm báo cáo.

Mã số 60 = Mã số 50 – (Mã số 51 + Mã số 52)

1.2.4.3 Qui trình lập Báo cáo kết quả kinh doanh

Kế toán phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty và công ty con vào sổ sách kế toán hoặc phần mềm máy vi tính, phải đảm bảo nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành. Kế toán tiến hành kiểm tra và khóa sổ kế toán.

Cuối kỳ thực hiện các bút toán kết chuyển và tiến hành in sổ sách phục vụ cho quá trình lập Báo cáo kết quả kinh doanh.

1.3 Nội dung và phương pháp phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

1.3.1 Nội dung phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá chung kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được tiến hành thông qua phân tích, xem xét sự biến động của từng chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ này với kỳ trước (năm này với năm trước) dựa vào việc so sánh cả về tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu. Đồng thời , phân tích các chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng các khoản chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

. Đặc biệt sự biến động của Doanh thu, Chi phí, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng hay giảm là do những nhân tố nào ảnh hưởng đến.

Công thức:

$$LN = DT - GV + (DTc - Ctc) - CB - CQ$$

Trong đó:

LN: là lợi nhuận kinh doanh

GV: là giá vốn hàng bán

DTc: là doanh thu hoạt động tài chính

Ctc: chi phí tài chính

CB: Chi phí bán hàng

CQ: Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Phân tích các biến động của từng chỉ tiêu trong báo cáo kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó so sánh các chỉ tiêu đó với doanh thu thuần.

+ So sánh các khoản chi phí

+ So sánh các khoản lợi nhuận

Tính toán một số chỉ tiêu để thấy được cái nhìn tổng quát hơn về thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp như: Tốc độ tăng trưởng, Vòng quay hàng tồn kho và kỳ quay vòng hàng tồn kho, hệ số quay vòng nợ phải thu, các tỷ suất sinh lời, ...

Phân tích khái quát báo cáo kết quả kinh doanh

Phân tích cơ cấu, sự biến động của doanh thu, chi phí và lợi nhuận nhằm đánh giá khái quát hiệu quả của từng hoạt động và khả năng sinh lợi cũng như xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Quá trình này được tập trung vào những vấn đề cơ bản sau;

- Thu nhập, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp có thật hay không và hình thành từ những nguồn nào, sự hình thành như vậy có phù hợp với chức năng hoạt động của doanh nghiệp không

- Thu nhập, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp thay đổi có phù hợp với đặc điểm chi phí hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hay không. Việc

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

xem xét này cần tiến hành so sánh theo chiều ngang và chiều dọc các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh

Dưới đây là bảng phân tích khái quát Báo cáo kết quả kinh doanh

Bảng 1.1 Bảng phân tích theo chiều ngang doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Chi tiêu	Năm N	Năm (N+1)	năm (N+1) so với N	
			Mức tăng	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
...				
...				
...				
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN				

So sánh theo chiều ngang của nhiều kỳ (kỳ này và kỳ trước) để thấy được sự biến đổi cả về số lượng tương đối và tuyệt đối của một chỉ tiêu nào đó qua các niên độ kế toán liên tiếp.

Bảng 1.2 Bảng phân tích theo chiều dọc các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh so với doanh thu thuần

Chi tiêu	Năm N	Năm (N+1)	tỷ lệ so với doanh thu (%)		Chênh lệch
			Năm N	Năm (N+1)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
...					
...					
...					
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN					

1.3.2 Phương pháp phân tích Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

- a) Phương pháp so sánh: So sánh các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa các năm. Về nguyên tắc cần phải đảm bảo các điều kiện có thể so sánh được của các chỉ tiêu trên BCKQKD. Gốc so sánh được lựa chọn là gốc thời gian hoặc không gian. Kỳ phân tích là kỳ báo cáo hoặc kỳ kế hoạch
- b) Phương pháp phân tích tỷ số: So sánh tỷ trọng giữa các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh với một chỉ tiêu trên báo cáo được chọn làm gốc so sánh.

1.3.3 Phân tích một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

a) Nhóm chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng chi phí

Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần: Là tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần được tính bằng công thức sau

$$\text{Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Trị giá vốn hàng bán}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho biết trong tổng số doanh thu thuần thu được, trị giá vốn hàng bán chiếm bao nhiêu phần trăm hay cứ 100 đồng doanh thu thuần thu được thì doanh nghiệp phải bỏ ra bao nhiêu đồng giá vốn hàng bán. Tỷ suất trong giá vốn hàng bán càng nhỏ thì chứng tỏ việc quản lý các khoản chi phí trong giá vốn hàng bán càng tốt và ngược lại.

Tỷ suất chi phí hàng bán trên doanh thu thuần: là tỷ lệ phần trăm của chi phí bán hàng trong tổng số doanh thu thuần. Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu thuần được tính bằng công thức:

$$\text{Tỷ suất chi phí hàng bán trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Chi phí bán hàng}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Tỷ suất này càng nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí bán hàng và kinh doanh càng có hiệu quả và ngược lại.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần: là tỷ lệ phần trăm giữa chi phí quản lý doanh nghiệp trong tổng doanh thu thuần.

$$\text{Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này cho biết để thu được 100 đồng doanh thu thuần thì doanh nghiệp phải bỏ ra bao nhiêu đồng chi phí quản lý.

Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả quản lý các khoản chi phí quản trị doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

b) Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả kinh doanh

Ngoài các chỉ tiêu thể hiện ngay trên báo cáo kết quả kinh doanh như: Doanh thu thuần, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lãi khác, lợi nhuận kế toán, tổng lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ... cần tính toán các chỉ tiêu sau:

Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần: Tỷ lệ % của lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong doanh thu thuần

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Tỷ suất này cho biết cứ 100 đồng doanh thu thuần sinh ra bao nhiêu đồng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Tỷ suất lợi nhuận kế toán trước thuế trên doanh thu thuần: là tỷ lệ % của lợi nhuận trong doanh thu thuần

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận kế toán trước thuế trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Tỷ suất này cho biết cứ 100 đồng doanh thu thuần có bao nhiêu đồng lợi nhuận kế toán trước thuế.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: là tỷ lệ % của lợi nhuận sau thuế trong tổng doanh thu.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận kế toán sau thuế trên doanh thu thuần} = \frac{\text{Lợi nhuận kế toán sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

Chỉ số này cho biết một đồng vốn kinh doanh bình quân sử dụng trong kỳ tạo ra mấy đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả càng lớn và ngược lại.

Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu

Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tạo ra lợi nhuận ròng cho chủ sở hữu doanh nghiệp đó. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu là chỉ tiêu để đánh giá mức độ thực hiện của mục tiêu này. Công thức:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

c) Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khi phân tích kết quả kinh doanh cần thu thập thông tin để phân tích lợi nhuận gộp theo công thức:

$$LG = \sum_{i=1}^n SL_i \times lg_i$$

Trong đó:

LG: là tổng lợi nhuận hàng bán

SL_i : là số lượng cầu tiêu thụ sản phẩm i

lg_i : là lợi nhuận gộp đơn vị sản phẩm i; $lg_i = g_i - gv_i$

g_i : Giá bán đơn vị sản phẩm i

gv_i : Giá vốn đơn vị sản phẩm i

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Bằng việc so sánh thực tế với kỳ gốc đồng thời sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn kết hợp với phương pháp cân đối xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tổng lợi nhuận theo công thức:

$LG_1 - LG_2 = \Delta LG$ là do ảnh hưởng của các nhân tố.

1. Do sản lượng tiêu thụ thay đổi:

$$\Delta sl = LGo \times \frac{\sum_{i=1}^n SL_{1i} \times g_{oi}}{\sum_{i=1}^n SL_{1i} \times g_{oi}} - LGo$$

2. Do kết cấu mặt hàng tiêu thụ thay đổi

$$\Delta kc = \sum_{i=1}^n SL_{1i} \times g_{oi} - LGo \times \frac{\sum_{i=1}^n SL_{1i} \times g_{oi}}{\sum_{i=1}^n SL_{1i} \times g_{oi}}$$

3. Do giá bán đơn vị thay đổi

$$\Delta g = \sum_{i=1}^n SL_{1i} \times (g_{1i} - g_{oi})$$

4. Do giá vốn đơn vị thay đổi:

$$\Delta gv = \sum_{i=1}^n SL_{1i} \times (gv_{1i} - gv_{oi})$$

Tổng hợp lại: $\Delta LG = \Delta sl + \Delta kc + \Delta g + \Delta gv$

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng để thấy được tác động cụ thể của từng nhân tố đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, xem xét những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi của từng nhân tố, những nguyên nhân chủ quan và khách quan từ đó đề ra những biện pháp để tối đa hóa lợi nhuận.

Ngoài ra doanh nghiệp phân tích chỉ tiêu chi phí lãi vay. Để giúp cho người sử dụng báo cáo tài chính phân tích hệ số thanh toán lãi vay. Chỉ tiêu này là tiêu chuẩn để đánh giá khả năng đảm bảo của doanh nghiệp với những khoản nợ dài hạn. Nó cho biết khả

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

năng thanh toán lãi vay của doanh nghiệp và mức độ an toàn đối với người cung cấp tín dụng.

d) Hệ số khả năng thanh toán lãi vay

$$\text{Khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)}}{\text{Lãi vay}}$$

Hệ số này cho biết số vốn đi vay đã sử dụng tới mức độ nào, có thể đem lại khoản lợi nhuận bao nhiêu và đủ bù đắp lãi vay hay không?

Lãi vay là một trong những nghĩa vụ ngắn hạn rất quan trọng của doanh nghiệp. Mất khả năng thanh toán lãi vay có thể làm giảm uy tín đối với chủ nợ, tăng rủi ro và nguy cơ phá sản của doanh nghiệp.

e) Phân tích khả năng thanh toán của công ty

$$\text{Khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ}}$$

Khả năng thanh toán tổng quát thể hiện mối quan hệ giữa tổng tài sản doanh nghiệp đang quản lý với tổng số nợ phải trả.

Nếu hệ số này < 1 báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, vốn chủ sở hữu bị mất toàn bộ, tổng tài sản hiện có không đủ trả số nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản lưu động – Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khả năng thanh toán nhanh là thước đo khả năng trả ngay các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp trong kỳ không dựa vào việc bán các loại vật tư hàng hoá. Thông thường hệ số này bằng 1 là hợp lý nhất

Chương 2

THỰC TRẠNG LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM-VT NHẬT HOÀNG

2.1 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY TNHH TM VT NHẬT HOÀNG

2.1.1 Tổng quan về công ty

Công ty TNHH TM-VT Nhật Hoàng được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 12 tháng 02 năm 2007 theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 0202002326 của Phòng Đăng Ký Kinh Doanh thuộc Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hải Phòng.

Tổng quan về công ty TNHH TM-VT Nhật Hoàng

- Tên công ty : Công ty TNHH TM Vận Tải Nhật Hoàng
- Trụ sở chính: : 925-Trường Chinh-Kiến An-Hải Phòng
- Tel : 031.3678067
- Mã số thuế : 0200612306
- Vốn điều lệ : 1.500.000.000
- Các thành viên tham gia góp vốn:

S	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Giá trị vốn góp	vốn góp(%)	Số giấy CMND
1	Nguyễn Bá Bội	Số 707 b Trường Chinh-Quán Trữ-Kiến An-HP	800.000.000	53,33	031031238
2	Nguyễn Thị Ngân	Cụm 1, Đồng Hoà-Kiến An-HP	350.000.000	23,33	171279689
3	Nguyễn Bá Thành	Số 707 b Trường Chinh-Quán Trữ-Kiến An-HP	350.000.000	23,33	031065829

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Người đại diện trước pháp luật của công ty

Chức danh : Giám đốc

Họ tên : Nguyễn Bá Bội

Công ty TNHH TM-VT Nhật Hoàng là doanh nghiệp hoạt động theo luật Doanh Nghiệp, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập. Công ty còn được quyền mở rộng sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước và pháp luật hiện hành.

Trong quá trình phát triển công ty đã tạo được nhiều mối quan hệ làm ăn tốt và lâu dài với các đối tác không những trong khu vực thành phố hải phòng mà còn mở rộng sang các địa bàn khác như: Hưng Yên, Hải Dương, Thanh Hóa, Quảng Ninh... Và ký kết hợp đồng làm ăn với nhiều công ty. Tuy công ty mới được thành lập và vẫn rất còn non trẻ trên thị trường nhưng công ty không ngừng cố gắng mở rộng đầu tư về chiều sâu cả về số lượng và chất lượng tạo dựng uy tín trên thị trường.

Ngành nghề kinh doanh

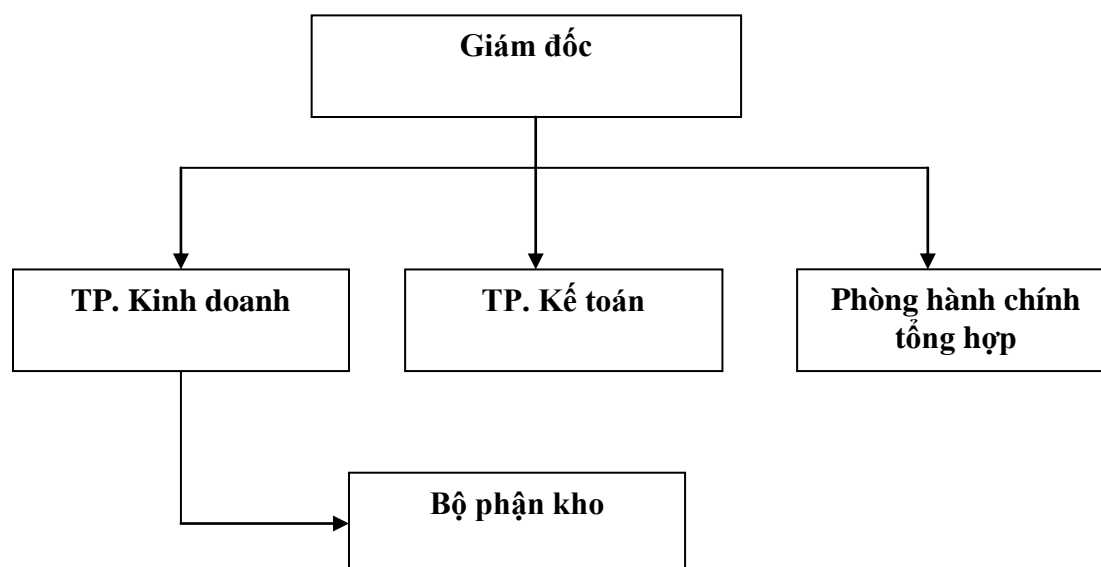
Công ty TNHH TM-VT Nhật Hoàng được phép tiến hành những hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

- Mua bán và kinh doanh vật tư, kim loại màu.
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy-bộ, vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa thủy-bộ.
- Buôn bán hàng điện máy xăng dầu. Kinh doanh kim khí, sắt thép, vật tư, phế liệu, phương tiện vận tải thủy-bộ. Dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Sửa chữa và hoán cải phương tiện vận tải thủy bộ, mua bán phá dỡ tàu cũ.

Xây dựng công trình dân dụng, trang trí nội thất và san lấp mặt bằng.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức của công ty

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty



- **Giám đốc**: là người trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và công tác khác theo đúng đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước, có nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, giữ và bảo toàn vốn, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật, cấp trên về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- **Phòng kinh doanh**: chịu trách nhiệm về mua bán hàng ngày của công ty và phải chịu trách nhiệm trước giám đốc.

- **Phòng hành chính – tổng hợp**: Có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương theo yêu cầu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm lo các vấn đề về nhân sự của công ty, tổ chức, quản lý hành chính công ty.

- **PhòngTC- Kế toán**: Có chức năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm, cung cấp các chỉ tiêu kinh tế tài chính cần thiết cho giám đốc công ty, Thực hiện hạch toán theo quy định của nhà nước và điều lệ công ty. Lập các báo cáo tài chính theo tháng quý năm.

- **Thủ kho**: chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa mua về và xuất ra, báo cáo thường xuyên cho giám đốc và phòng kinh doanh.

2.1.3 Thuận lợi khó khăn của công ty

Thuận lợi:

Công ty TNHH TM- VT Nhật Hoàng là công ty chủ yếu hoạt động trên thị trường mua bán thép và vận tải hàng hóa. Thị trường thép là một thị trường đang rất phát triển trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng với nhu cầu ngày càng tăng của thị trường và đây là điều kiện tốt cho ngành thép phát triển.

Với lĩnh vực vận tải hành khách hàng hóa bằng đường thủy-bộ , nội địa công ty có rất nhiều thuận lợi vì nằm trên địa bàn Hải Phòng - một trong những cảng biển lớn của Việt Nam.

Khó khăn:

Năm 2009 giá cả giao thời giữa năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009 có sự chênh lệch lớn về giá cả trên thị trường trong khu vực nói chung và thị trường trong nước nói riêng. Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2009.

Ngoài những yếu tố trên trong tháng 9 công ty cũng đang chuẩn bị đầu tư mua sắm tài sản để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh cho nên cũng gặp nhiều khó khăn trong khâu tài chính cũng như hiệu quả kinh doanh của năm 2009 không cao.

Thành tích đạt được:

Tình hình kinh doanh của công ty trong các năm là rất khả quan, các chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, doanh thu, nộp ngân sách nhà nước đều tăng so với những năm trước cán bộ công nhân viên có được việc làm ổn định, và được hưởng mọi chế độ của nhà nước và được hưởng mức lương bình quân là 3.500.000đ/tháng. Đây là dấu hiệu tốt cho công ty phát triển ở những năm tiếp theo. Công ty đã đứng vững và không ngừng phát triển theo cơ chế thị trường với những khó khăn và thử thách lớn. Toàn bộ tập thể nhân viên công ty ngày càng lớn mạnh không ngừng cùng với sự nghiệp phát triển nền kinh tế hội nhập của cả nước.

Những năm qua mặc dù thị trường thép có biến động mạnh (do sự tranh chấp thương mại giữa các nước lớn) đã tác động không nhỏ đến thị trường trong nước.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Nhưng bằng sự nỗ lực, nhạy bén kinh doanh của ban lãnh đạo công ty luôn đứng vững và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và quy mô vốn.

Tuy công ty vẫn còn non trẻ nhưng công ty đã và đang cố gắng hoàn thiện mình. Từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng thêm kho bãi, mua sắm TSCĐ, trang thiết bị...

Chúng ta hãy nhìn vào một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động của công ty trong hai năm như sau:

ĐVT: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch	
			số tiền	tỷ lệ(%)
Doanh thu bán hàng	311,338,584,050	376,165,415,673	64,826,831,623	20,82%
Giá vốn hàng bán	305,670,921,042	366,247,982,790	60,577,061,748	19,82%
Tổng LN trước thuế	340,441,657	358,345,792	17,904,135	5.25%
Tổng tài sản	14,939,350,761	34,011,721,583	19,072,370,823	127,6%

(nguồn tài liệu trích: Trích báo cáo tài chính năm 2009)

2.1.4 Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM-VT Nhật Hoàng.

- Công ty TNHH TM-VT Nhật Hoàng hoạt động trong lĩnh vực thương mại và cung cấp dịch vụ vận tải, do đó công ty không có khâu tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.
- Công ty duy trì hình thức bán đại lý, bán cho công ty lắp đặt còn trình đóng tàu, ô tô...cho các nhà phân phối
- Vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

2.1.5 Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần đây

Bảng 2.1 Các khoản phải trả (Đvt: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Vay và nợ ngắn hạn	1,172,500,000	1,380,354,593	7,363,654,593
2	Phải trả người bán	10,003,547,976	8,675,290,400	20,000,928,434
3	Người mua ứng tiền trước	744,000,000		1,492,758,262
4	Thuế và các khoản phải nộp NN		20,457,770	21,733,503
	Tổng	11,920,047,976	10,076,102,763	28,879,074,792

Bảng 2.2 Chỉ tiêu lợi nhuận (đvt: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tổng giá trị tài sản	13,538,241,749	14,939,350,761	34,011,721,583
2	Doanh thu thuần	120,609,384,817	311,338,584,050	376,165,415,673
3	Lợi nhuận gộp	2,783,401,821	5,667,663,008	9,917,432,883
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	128,113,622	319,446,942	408,010,088
5	Lợi nhuận khác		20,994,715	-49,664,296
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế	128,113,622	340,441,657	358,345,792
7	Lợi nhuận sau thuế	35,871,814	245,054,225	269,398,793

Bảng 2.3 Các khoản phải thu (Đvt: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Phải thu khách hàng	2,840,740,055	8,800,788,486	20,006,812,001
2	Trả trước cho người bán	135,681,000	90,000,158	900,802,967
	Tổng	2,976,421,055	8,890,788,644	20,907,614,968

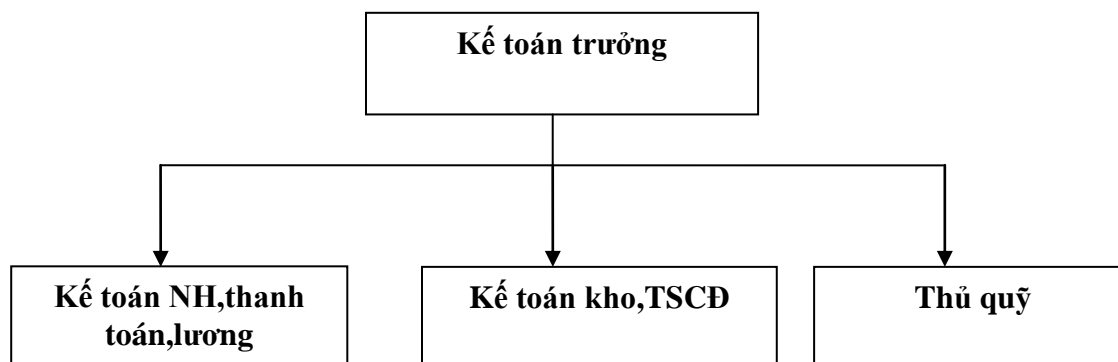
2.1.6 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.6.1 Đặc điểm tổ chức kế toán

Là một doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh hàng hóa và dịch vụ vận tải nên hầu như các nghiệp vụ phát sinh là có tính chất giống nhau nên bộ máy kế toán của công ty chỉ gồm hai kế toán viên và một kế toán trưởng

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng.



Theo mô hình trên chức năng nhiệm vụ của từng người như sau:

✓ **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:** Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán: kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các phòng ban, lập BCTC, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

✓ **Kế toán Ngân hàng, thanh toán, lương:** Có nhiệm vụ theo dõi những khoản thu chi bằng tiền của doanh nghiệp, kiểm tra chứng từ đầu vào đầu ra, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

Hàng ngày phải kiểm kê tồn quỹ cuối tiền mặt thực tế, đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

Kết hợp chặt chẽ với phòng kinh doanh theo dõi đơn đốc thu hồi công nợ khách hàng kịp thời.

Hàng tháng lập bảng lương thanh toán tiền lương, thưởng cho cán bộ nhân viên công ty

Mở sổ kế toán theo dõi cho từng ngân hàng.

✓ **Kế toán kho, TSCĐ:** Có nhiệm vụ ghi chép việc nhập xuất hàng hóa tại kho bãi. Thường xuyên kiểm kê hàng tồn kho và TSCĐ đối chiếu số liệu trên với sổ sách.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

✓ **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ quản lý và nhập xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

2.1.6.2 Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi vào phòng tài chính kế toán kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán áp dụng chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính.

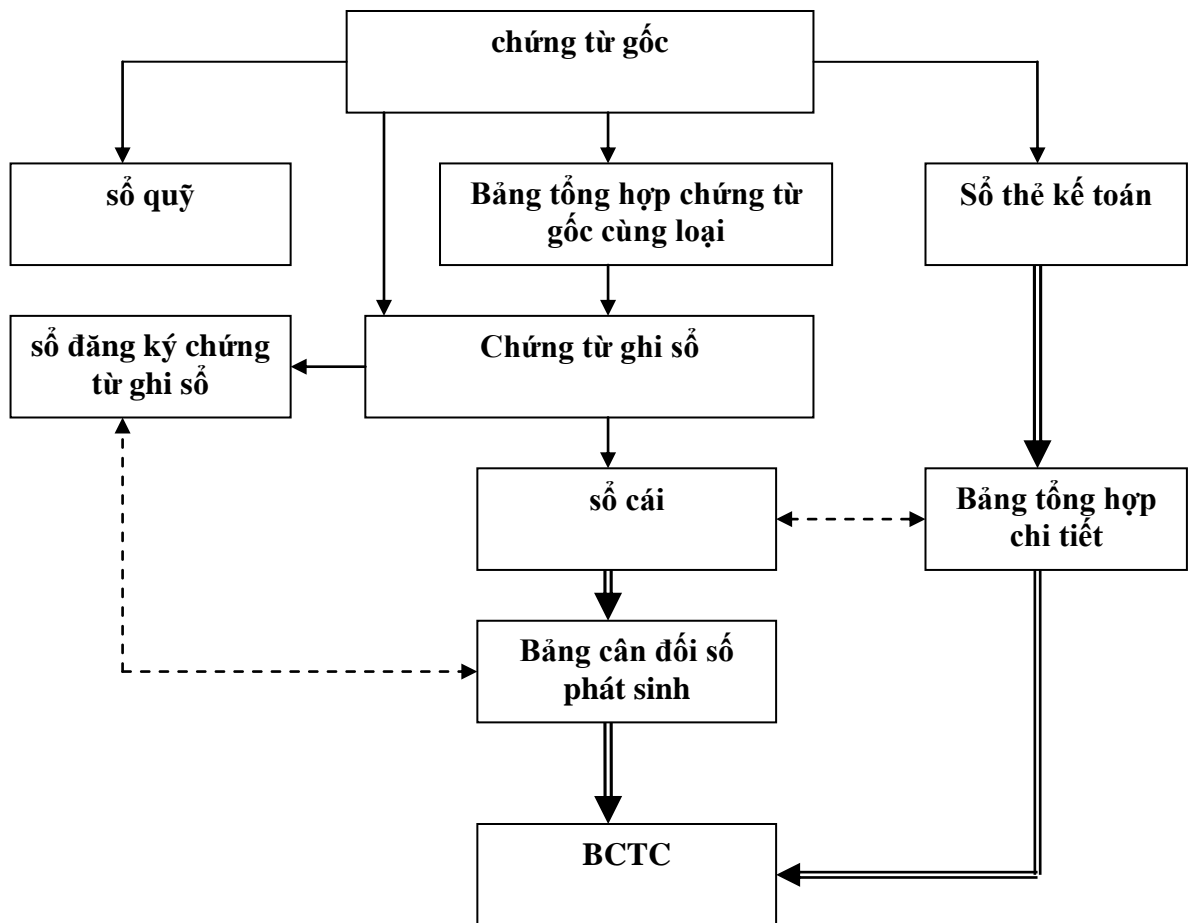
Công tác kế toán của công ty thực hiện phần lớn trên phần mềm máy vi tính với hình thức “Chứng từ ghi sổ”. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty đều được phản ánh đầy đủ trong hệ thống kế toán. Việc xử lý và luân chuyển chứng từ nhìn chung là được chấp hành nghiêm túc từ bước kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ, luân chuyển, bảo quản và lưu trữ chứng từ.

Với phần mềm kế toán sản xuất AFC, giúp các nhân viên kế toán nhanh chóng cập nhật những số liệu cần thiết sau đó sẽ có bộ xử lý tự động trên máy tính đưa ra số liệu kế toán vào sổ theo chương trình đã cài đặt sẵn. Điều này giảm bớt đi một khối lượng lớn công việc đồng thời mọi thông tin kế toán được bảo quản chặt chẽ và cung cấp nhanh chóng.

Hệ thống sổ sách kế toán:

- ✓ Sổ kế toán tổng hợp bao gồm: chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản, các bảng kê, bảng phân bổ.
- ✓ Sổ kế toán chi tiết được mở tùy thuộc điều kiện cụ thể và yêu cầu quản lý của công ty.

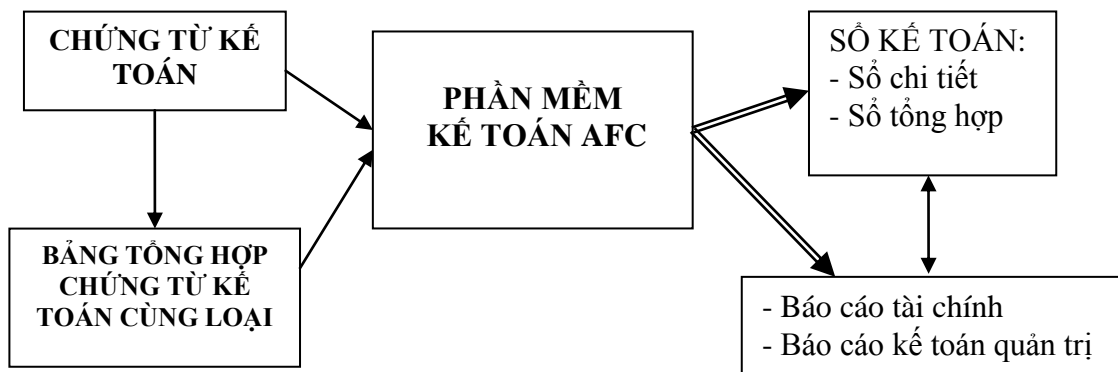
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ”



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Kiểm tra, đối chiếu ←-----→
- Ghi định kỳ =====>

***Trình tự ghi sổ kế toán của công ty được thực hiện trên máy vi tính**



Sơ đồ 2.4: Trình tự kế toán trên máy vi tính của công ty

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- ←..... Đối chiếu, kiểm tra

2.2 THỰC TRẠNG LẬP BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

2.2.1 Cơ sở lập Báo cáo kết quả kinh doanh ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2008 để vào các chỉ tiêu ở cột số 5

- Căn cứ vào sổ kế toán trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9 để ghi các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh

2.2.2 Một số công việc chuẩn bị trước khi lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ tiến hành vào sổ cái các tài khoản và vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính tổng số phát sinh, số dư của tài khoản trên sổ cái.

Cuối tháng lập Bảng cân đối tài khoản

Cuối tháng cộng sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết

Đối chiếu giữa bảng tổng hợp chi tiết với sổ cái tài khoản

Căn cứ vào sổ cái sổ chi tiết tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính

2.2.3 Cách thức tiến hành lập Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh

2.2.3.1. Công tác ghi nhận các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người sở hữu và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng hóa bị trả lại. Trường hợp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Khi công ty cung cấp hàng hóa dịch vụ cho khách hàng kế toán viết hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ (Hóa đơn GTGT)

Từ hóa đơn bán hàng hóa kế toán vào bảng kê hàng hóa dịch vụ, được phản ánh thường xuyên và đúng thời điểm xuất hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ.

Từ bảng kê kế toán tập hợp số liệu xác định tài khoản liên quan nhập vào bảng biểu trên phần mềm kế toán theo quy trình thiết kế doanh thu được kết chuyển vào sổ cái tài khoản 511 và các sổ cái liên quan.

Cuối tháng kế toán tổng hợp kết chuyển doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

Cuối quý (năm) kế toán tổng hợp tính doanh thu hợp lý

Trong kỳ công ty có doanh thu từ các hoạt động đó là: doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải

Doanh thu từ hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi ngân hàng được theo dõi bên có tài khoản 515 và nợ các tài khoản liên quan.

Thu nhập khác : Được theo dõi bên có tài khoản 711 và nợ các tài khoản liên quan

Thu nhập khác của công ty bao gồm: Thu tiền bảo hiểm, bán tài sản, Hoàn trả phí

Giá vốn hàng bán: tại công ty giá vốn là giá mua nhập hàng hóa. giá vốn được theo dõi trên sổ cái “Ghi nợ TK 632, ghi có tài khoản liên quan” trên bảng kê hóa đơn bán hàng.

Chi phí tài chính: Trong kỳ chi phí tài chính được theo dõi trên TK 635 bao gồm chi phí lãi vay

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tại công ty chi phí quản lý doanh nghiệp được theo dõi trên tài khoản 642 bên nợ bao gồm: chi phí nhiên vật liệu, chi phí khấu hao TSCĐ, lệ phí xăng dầu và một số chi phí khác.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Chi phí bán hàng: chi phí bán hàng được theo dõi trên tài khoản 641 bên nợ, bao gồm chi phí mua dầu, gia công, phí vận chuyển, kết chuyên nhiên liệu.

Chi phí khác: Tại công ty chi phí khác được tập hợp theo dõi trên tài khoản 811 bên nợ, bao gồm: giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Trong kỳ Thuế TNDN được theo dõi trên sổ chi tiết TK 3334 sau đó kết chuyển sang TK 8211 “Chi phí thuế thu nhập hiện hành”

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 là: 88,946,999 đồng

2.2.3.2. Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

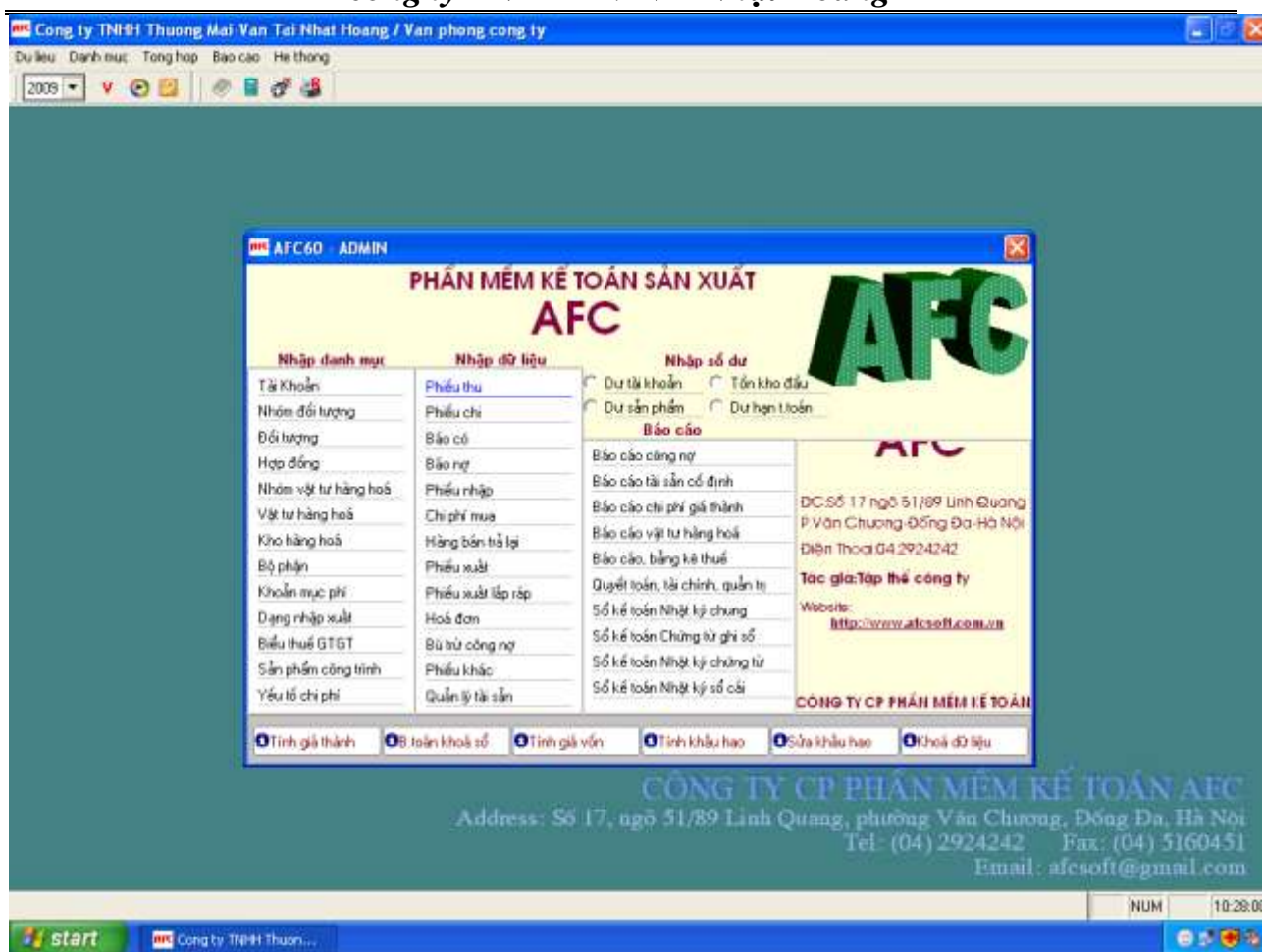
a. Tổ chức lập sổ cái các tài khoản

Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán AFC để theo dõi ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

Kế toán tại công ty hàng ngày phản ánh chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty. Cuối kỳ kế toán trưởng tiến hành kiểm tra, khóa sổ kế toán vào cuối năm 31/12/2009 và thực hiện xác nhận cho máy tính tự động thực hiện các bút toán kết chuyển và cuối kỳ kế toán tiến hành in các sổ kế toán phục vụ lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán AFC tại công ty (trang 38)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng



(1) Kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán trên sổ cái các tài khoản. Định kỳ kế toán tiến hành kiểm tra tính có thực của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nghĩa là các nghiệp vụ kế toán được kế toán nhập vào máy tính có chứng từ hay không. Nếu có sai sót, kế toán phải có biện pháp xử lý kịp thời.

Các bước kiểm tra như sau:

Bước 1: Kế toán tiến hành in sổ cái tài khoản loại 5 đến loại 9

Bước 2: Sắp xếp chứng từ kế toán theo số thứ tự chứng từ ghi sổ

Bước 3: Kiểm tra đối chiếu chứng từ với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ cái tài khoản (sổ chi tiết tài khoản)

- Điều chỉnh số lượng chứng từ với số lượng các nghiệp vụ được phản ánh vào sổ cái tài khoản.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

- Điều chỉnh nội dung kinh tế từng chứng từ với nội dung kinh tế từng nghiệp vụ được phản ánh vào sổ cái (sổ chi tiết)

- Kiểm soát sự phù hợp về số tiền theo từng chứng từ và số tiền nghiệp vụ phản ánh trong sổ cái tài khoản

- Kiểm soát ngày chứng từ trên chứng từ kế toán, ngày chứng từ trên sổ cái và ngày ghi sổ chứng từ.

(2) Điều chỉnh số liệu với thực tế; đối chiếu số liệu giữa các sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp chi tiết tài khoản: Các chứng từ gốc đều được kế toán lấy làm căn cứ nhập số liệu vào “kế toán chi tiết”. Máy tính sẽ tự động nhập số liệu vào các sổ theo trình tự hạch toán như trên.

(3) Khóa sổ kế toán và thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian để lập Bảng kết quả kinh doanh. Do công ty sử dụng phần mềm kế toán nên máy tính sẽ tự động khóa sổ cái, sổ chi tiết, sổ tổng hợp chi tiết để làm căn cứ cho việc lập Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh.

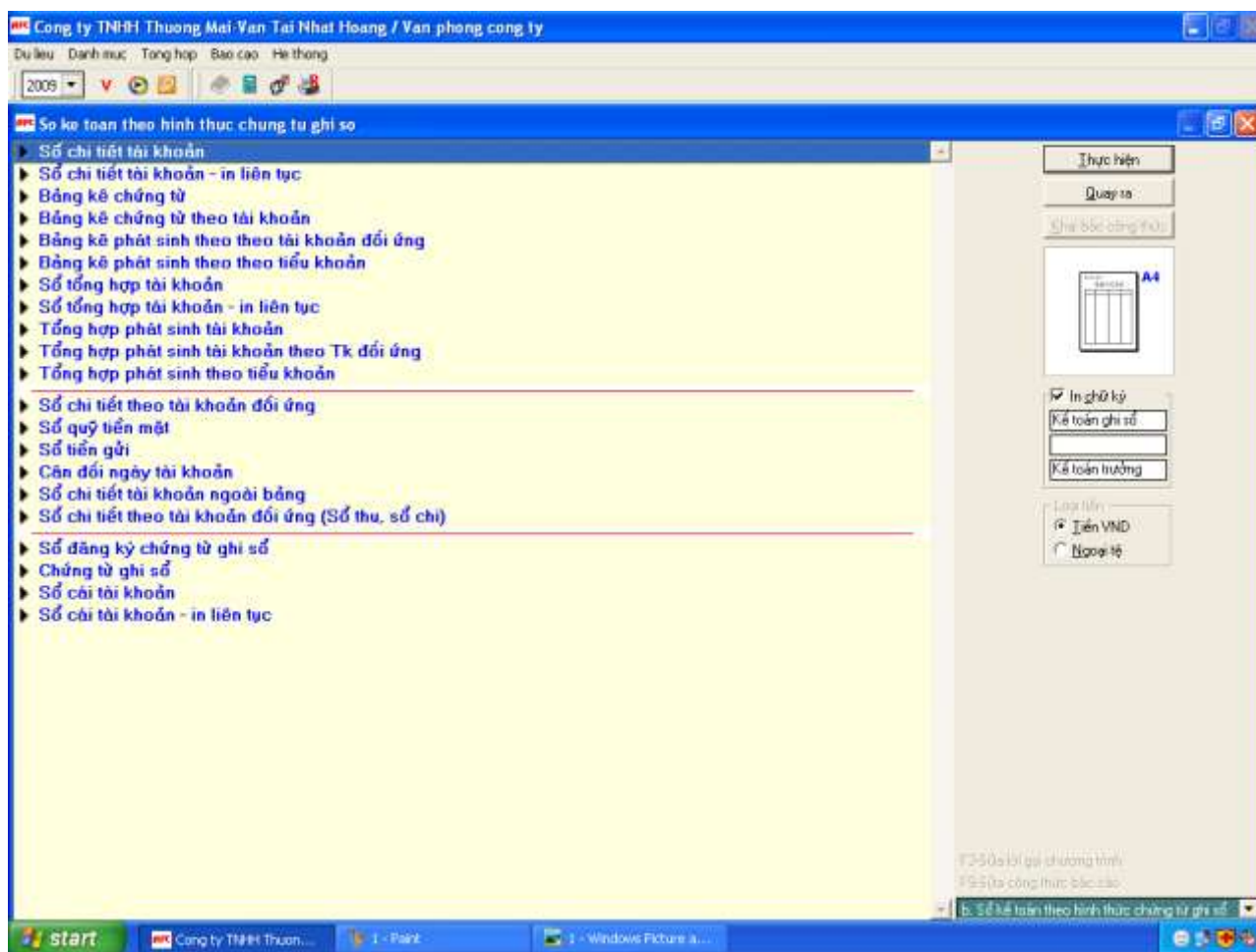
Cuối tháng kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và khóa sổ kế toán. Từ giao diện phần mềm máy tính kế toán chọn “Bút toán khóa sổ” máy tính sẽ tự động khóa sổ.

Cuối năm, Kế toán trưởng tập hợp số liệu của từng tài khoản lại để xác định kết quả kinh doanh và thực hiện khóa sổ liệu.

Kế toán chọn loại sổ cần lập: sổ cái tài khoản 511, 632, 711, 635, 641, 642, 821, 811, 911. Từ giao diện phần mềm kế toán chọn “sổ kế toán chứng từ ghi sổ”, sau đó chọn “sổ cái tài khoản”. Kế toán đánh số hiệu tài khoản cần lập, xác nhận rồi chọn “thực hiện”

Giao diện phần mềm kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ (trang 39)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng



Từ màn hình trên chọn sổ cái tài khoản, giả sử xem và in tài khoản 511. chọn sổ cái tài khoản và xác nhận thông tin ngày tháng tên tài khoản.

**Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng**

Mẫu biểu 2.1

CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

925 Trường Chinh - Kiến An – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

số hiệu : 511

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tk Đứ
	- -		Số d đầu kỳ			
HD	05/01/2009	0057696	chức vận chuyển		2,914,286	131
HD	07/01/2009	0057697	chức vận chuyển		116,171,807	131

			Cộng ps quý I	89,041,353,918	89,041,353,918	
HD	11/04/2009	0022806	Thép tấm		6,452,412,813	131
HD	13/04/2009	0022807	Thép tấm		2,124,606,330	131

			Cộng ps quý II	94,041,353,908	94,041,353,908	

HD	30/12/2009	0022832	Thép tấm		46,285,717	131
HD	30/12/2009	0022833	Thép tấm		445,239,000	131
HD	31/12/2009	0022834	Thép tấm		57,145,130	131
HD	31/12/2009	0022835	Thép tấm		3,186,998,088	131
PK	31/12/2009	03	Kết chuyển doanh thu 511 --> 9111	37,822,595,727	0	9111
			Cộng ps quý IV	100,236,650,263	100,236,650,263	
			Cộng lũy kế ps	376,165,415,673	376,165,415,673	
			D cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK 511 – Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Mẫu biểu 2.2

CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

925 Trường Chinh - Kiến An – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

số hiệu : 632

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tk Đứ
	- -		Số d đầu kỳ			
HD	04/01/2009	0057693	Thép xà gỗ	437,619,971		156
HD	09/01/2009	0022802	Thép tấm	203,324,194		156
HD	09/01/2009	0022803	Tôn tấm	17,710,743		156

			Cộng PS quý I			
HD	09/04/2009	0057700	Thép tấm	452,676,001		156
HD	11/04/2009	0022804	Thép tấm	4,993,876,412		156
HD	11/04/2009	0022806	Thép tấm	6,576,289,367		156
HD	13/04/2009	0022807	Thép tấm	2,165,395,554		156

			Cộng PS quý II			

HD	30/12/2009	0022831	Thép tấm	87,703,584		156
HD	30/12/2009	0022832	Thép tấm	15,074,637		156
HD	30/12/2009	0022833	Thép tấm	547,418,281		156
HD	31/12/2009	0022834	Thép tấm	46,107,543		156
HD	31/12/2009	0022835	Thép tấm	3,302,680,609		156
PK	31/12/2009	07	Kết chuyển giá vốn 632 --> 9111		36,889,833,428	9111
			Cộng PS quý IV			
			Cộng lũy kế	366,247,982,790	366,247,982,790	
			D cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Trích sổ cái tài khoản 632 – Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Mẫu biểu 2.3

CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI NHẬT HOÀNG

925-Trương Chinh-Kiến An-Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

số hiệu: 515

DVT: đồng

CT	NTGS	Số hiệu	Diễn giải	Số tiền		TK d.ứng
				Nợ	Có	
			Dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			

BC	31/12/09	9	Lãi nhập vốn tháng 12		1,593,478	1121ACB
BC	31/12/09	11	Lãi nhập vốn tháng 12		979,825	1121SG
BC	31/12/09	16	Lãi nhập vốn tháng 12		8,515	1121SA
BC	31/12/09	23	Lãi nhập vốn tháng 12		1,875,985	1121HH
BC	31/12/09	29	Lãi nhập vốn tháng 12		697,913	1121GB
BC	31/12/09	30	Lãi nhập vốn tháng 12		47,548	1121HV
PK	31/12/09	6	kết chuyển 515 sang 911	5,203,264		9111
			Cộng PS lũy kế	44,544,728	44,544,728	
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Trích sổ cái tài khoản 515 Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

**Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng**

Mẫu biểu 2.4

CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI NHẬT HOÀNG

925-Trương Chinh-Kiến An-Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009)

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

số hiệu: 635

ĐVT: VNĐ

CT	NT	Số hiệu	Diễn giải	TK đ.ứng	Số tiền	
					Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Phát sinh trong kỳ			

PC	31/12/2009	005	Trả lãi vay ngắn hạn	1111	95,000,000	
BN	31/12/2009	88	lãi vay dài hạn	1121SA	2,483,367	
BN	31/12/2009	97	trả tiền lãi vay T12	1121SG	3,900,000	
PC	31/12/2009	19	Trả vay ngắn hạn T12	1111	1,631,250	
PK	31/12/2009	11	Kết chuyển	9111		103,014,617
			Cộng PS		759,505,489	759,505,489
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Trích sổ cái tài khoản 635 Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

**Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng**

Mẫu biểu 2.5

CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI NHẬT HOÀNG

925-Trương Chinh-Kiến An-Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

(Từ ngày 01.01.2009 đến ngày 31/12/2009)

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu : 641

ĐVT: VNĐ

Ct	Ngày tháng	SH	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tkđư
	- -		Số dư đầu kỳ			
PK	31/01/2009	4	K/c nhiên liệu	236,456,853		1523

			Cộng phát sinh quý I	1,663,924,864	1,663,924,864	

PC	31/12/2009		Mua dầu	666,000		1111
PC	31/12/2009		Gia công	1,625,455		1111
PK	31/12/2009	104	Cước vận chuyển	45,092,132		331
PK	31/12/2009		Phân bổ khấu hao tài sản	83,917,063		2141
PK	31/12/2009	004	Kết chuyển chi phí	250,000,000		1422
PK	31/12/2009	023	K/c nhiên liệu	279,100,000		1523
PK	31/12/2009	12	kết chuyển chi phí bán hàng		660,400,650	9111
			Cộng PS quý IV	1,745,856,724	1,745,856,724	
	- -		Cộng PS cuối kỳ	6,655,699,457	6,655,699,457	
	- -		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Mẫu biểu 2.6

CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

925 Trường Chinh - Kiến An – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

số hiệu : 642

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tk Đứ
	- -		Số d đầu kỳ			

			Cộng PS quý I	534,690,644	534,690,644	

BN	07/05/2009	012	Trả tiền hàng	11,000		1121HH
BN	08/05/2009		Phí chuyển tiền	668,800		1121HH
BN	08/05/2009	012	Trả tiền thiết kế	11,000		1121HH
BN	09/05/2009		Trả tiền hàng	11,000		1121HH

			Cộng PS quý II	557,593,679	557,593,679	

PC	31/12/2009		Mua dầu	145,500		1111
PC	31/12/2009		Mua dầu	677,500		1111
PC	31/12/2009		Chi tiền ăn T12/2009	8,700,000		1111
BN	31/12/2009	013	Phí chuyển tiền	10,901		1121GB
PK	31/12/2009		Kết chuyển lương Tháng 12/2009	109,100,000		334
PK	31/12/2009		Phân bổ khấu hao tài sản	14,789,701		2141
PK	31/12/2009	107	Kết chuyển lãi lỗ	8,835,000		1531
PK	31/12/2009	13	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 642 --> 9111		157,735,306	9111
			Cộng PS quý IV	589,203,363	589,203,363	
	- -		Cộng phát sinh lũy kế	2,138,762,577	2,138,762,577	
	- -		Số d cuối kỳ			

(Trích sổ cái tài khoản 642 Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Mẫu biểu 2.6

**Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng**

CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

925 Trường Chinh - Kiến An – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: doanh thu khác

số hiệu : 711

(Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009)

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tk Đư
	- -		Số dư đầu kỳ			

PK	30/06/2009	22	Thu nhập bất thường 711 --> 9111	476,190,476		9111
BC	13/07/2009	001	Hoàn trả phí		96,954	1121 GB
PK	31/07/2009	22	Thu nhập bất thường 711 --> 9111	96,954		9111
PK	17/08/2009	8752 1	Máy dỡ tôn		438,095,238	131
PK	31/08/2009	22	Thu nhập bất thường 711 --> 9111	438,095,238		9111
BC	25/12/2009		Thu tiền BH		35,240,000	1121 GB
PK	31/12/2009	22	Thu nhập bất thường 711 --> 9111	50,766,094		9111
	- -		Cộng phát sinh trong kỳ	1,012,767,809	1,012,767,809	
	- -		Số dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái tài khoản 711 Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng**

Mẫu biểu 2.7

CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

925 Trường Chinh - Kiến An – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: chi phí khác

số hiệu : 811

(Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009)

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tk Đứ
	- -		Số d đầu kỳ			
PK	28/02/2009	104	Bán tài sản	88,888,888		2114
PK	28/02/2009	24	Chi phí bất thường 811 --> 9111		88,888,888	9111
PK	20/05/2009		Chênh đô (TK 7273)	7,952,215		331
PK	12/06/2009	043	Bán xe ô tô 16L 3748	364,884,484		2114
PK	22/06/2009		Bán xe ô tô 16L 7857	90,888,888		2114
PK	30/06/2009	24	Chi phí bất thường 811 --> 9111		455,773,372	9111
PK	01/07/2009		Chênh đô (TK 9903)	7,148,091		331
PK	17/08/2009	87521	Máy dờ tôn	456,291,666		2114
PK	31/08/2009	24	Chi phí bất thường 811 --> 9111		456,291,666	9111
PK	22/09/2009		Chênh đô (TK 16386)	46,377,873		331
PK	31/12/2009	24	Chi phí bất thường 811 --> 9111		61,478,179	9111
	- -		Cộng phát sinh trong kỳ	1,062,432,105	1,062,432,105	
	- -		Số d cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Trích sổ cái tài khoản 811 Công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng)

**Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng**

Mẫu biểu 2.8

CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

925 Trường Chinh - Kiến An – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

N ă m 2009

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

số hiệu : 821

ĐVT: Đồng

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Tk Đứ
	- -		Số d đầu kỳ			
PK	31/12/2009	045	K/C chi phí thuế TNDN2009	89 586 448		3334
PK	31/12/2009	045	K/C chi phí thuế TNDN2009		89 586 448	9111
	- -		Cộng phát sinh trong kỳ	89 586 448	89 586 448	
	- -		Số d cuối kỳ			

(Trích sổ cái tài khoản 821 công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

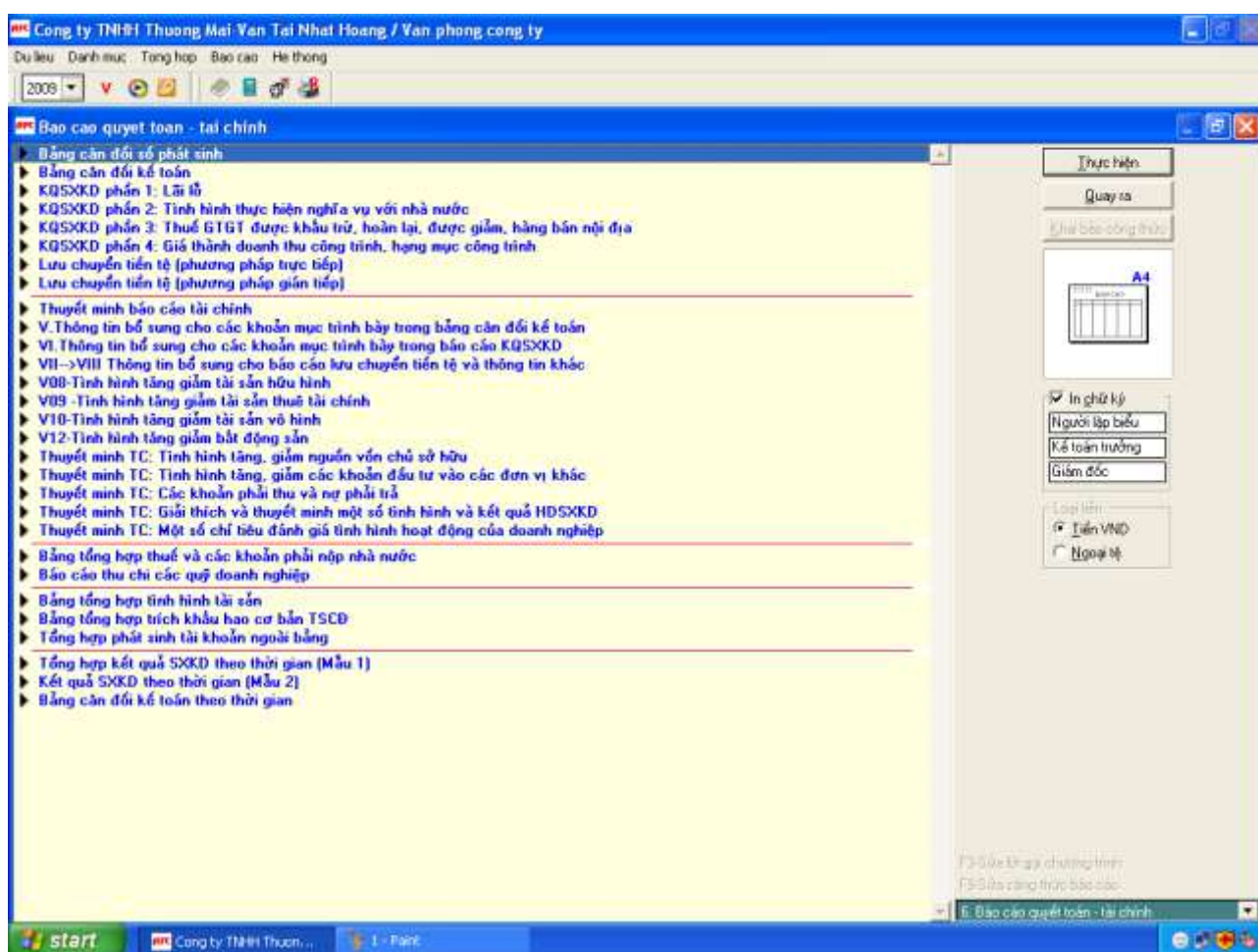
(ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

b. Lập báo cáo kết quả kinh doanh

Kế toán trưởng kiểm soát lại một lần nữa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đối chiếu với sổ cái sổ chi tiết tài khoản có liên quan. Ngày 31 tháng 12 năm 2009 kế toán trưởng lập Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009

- Dựa vào sổ liệu của Báo kết quả kinh doanh năm 2008
- Dựa vào sổ cái các tài khoản, sổ tổng hợp chi tiết các tài khoản, máy tính tự động lập Bảng Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



Từ màn hình phần mềm kế toán máy. Kế toán chọn “Báo cáo quyết toán – tài chính”, sau đó chọn “KQSXKD phần 1: Lãi lỗ” xuất hiện bảng kế toán nhập số liệu cần thiết rồi chọn “Thực hiện”.

Mã số 01 Lấy số liệu là lũy kế số phát sinh bên có của TK 511 để ghi vào chỉ tiêu này là :**376,165,415,673 đồng**

Mã số 02 : Trong kỳ không phát sinh

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Mã số 10: Chỉ tiêu này phản ánh doanh thu sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ trên (mã số 02) = Mã số 01 – Mã số 02 = 376,165,415,673 – 0 = **376,165,415,673 đồng**

Mã số 11: số tiền phát sinh bên có tài khoản 632 là **366,247,982,790 đồng**

Mã số 20: Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Mã số 10 – Mã số 11 = 376,165,415,673 – 366,247,982,790 = **9,917,432,883 đồng**

Mã số 21: Doanh thu hoạt động tài chính Phát sinh bên nợ tài khoản 515 : **44,544,728 đồng**

Mã số 22: Lấy tổng số phát sinh có tài khoản 635: **759,505,489 đồng.**

Mã số 24: Tổng số tiền phát sinh có Tk 641: **6,655,699,457 đồng.**

Mã số 25: Tổng số tiền phát sinh bên có TK 642: **2,138,762,577 đồng**

Mã số 30 = Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = 20 + 21 – 22 – 24 – 25)
= 9,917,432,883 + 44,544,728 + 759,505,489 – 6,655,699,457 – 2,138,762,577
= **408,010,088 đồng**

Mã số 31: Tổng số tiền phát sinh bên nợ tài khoản 711 : **1,012,767,809 đồng**

Mã số 32: Tổng số tiền phát sinh bên có tài khoản 811: **1,062,432,105 đồng**

Mã số 40 = 31 – 32 = 1,012,767,809 – 1,062,432,105 = **-49,664,296 đồng**

Mã số 50 = Mã số 30 + mã số 40 = 408,010,088 + (- 49,664,296) = **358,345,792 đồng**

Mã số 51: Chi phí thuế thu nhập hiện hành lấy trên sổ chi tiết tài khoản 8211 là **88,946,999 đồng**

Mã số 60: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = mã số 50 – mã số 51 = 258,345,792 – 88,946,999 = **269,398,793 đồng**

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Mẫu biểu 2.9

CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI NHẬT HOÀNG
925-Trường Chinh- Kiến An-Hải Phòng

Mẫu số B 02-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/QĐ/BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2009

ĐVT: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dv	01	IV.08	376,165,415,673	311,338,584,050
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10		376,165,415,673	311,338,584,050
4. Giá vốn hàng bán	11		366,247,982,790	305,670,921,042
5. Lợi nhuận gộp hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		9,917,432,883	5,667,663,008
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		44,544,728	44,346,281
7. Chi phí tài chính	22		759,505,489	158,708,293
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		759,505,489	158,708,293
8. Chi phí bán hàng	24		6,655,699,457	3,527,121,052
9. Chi phí QLDN	25		2,138,762,577	1,706,733,002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+21-22-24-25)	30		408,010,088	319,446,942
11. Thu nhập khác	31		1,012,767,809	20,994,715
12. Chi phí khác	32		1,062,432,105	
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-49,664,296	20,994,715
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	IV.09	358,345,792	340,441,657
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		88,946,999	95,387,432
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51)	60		269,398,793	245,054,225

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Kiểm tra, ký duyệt: Sau khi lập xong Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh, người lập bảng cùng với kế toán trưởng kiểm tra, đối chiếu lại lần nữa cho phù hợp và đúng. Cuối cùng thì người có trách nhiệm và kế toán trưởng trình giám đốc ký duyệt

2.3. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

Thực tế tổ chức phân tích của công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng đã bắt đầu chú ý đến phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh có lập bảng tính một số chỉ tiêu tài chính dùng trong phân tích. Tuy nhiên công ty lại không chú trọng vào việc phân tích khái quát so sánh đánh giá khái quát các chỉ tiêu, để thấy được sự biến động của các chỉ tiêu và cũng chưa chỉ rõ nguyên nhân tại sao lại có sự thay đổi sự ảnh hưởng đó.

Dưới đây là một số chỉ tiêu mà công ty đã tính toán

Chỉ tiêu (1)	Đơn vị tính (2)	Năm trước (3)	Năm nay (4)	Chênh lệch (5)=(4)-(3)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0.079	0.072	(0.007)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1.73	1.1	(0.63)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8.17	5.98	(2.19)

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM – VT NHẬT HOÀNG

3.1. NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN

3.1.1 Ưu điểm

Ban lãnh đạo công ty đã áp dụng mô hình quản lý gọn nhẹ hiệu quả phù hợp với đặc điểm quản lý, hạch toán sản xuất kinh doanh. nhằm khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực hiện có.

Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo nguyên tắc quan hệ trực tuyến từ giám đốc công ty đến các phòng ban, phân xưởng, cửa hàng tạo điều kiện cho việc dễ phân công, phân nhiệm và giám đốc có thể giám sát được toàn bộ các hoạt động của công ty.

Kế toán công ty là những người có kinh nghiệm có tinh thần trách nhiệm. điều này giúp cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh có độ chính xác cao

Việc lập Bảng cân đối kế toán của công ty đảm bảo đúng thời gian, mẫu biểu và các nguyên tắc lập theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 đã phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí, phát sinh theo đúng chế độ tài chính. Các tài khoản đảm bảo ghi đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành.

Công tác quản lý tài chính và hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, cũng như quy định pháp lý có liên quan, phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Với việc áp dụng phần mềm AFC trong công tác kế toán các nghiệp vụ được cập nhật kịp thời nhanh chóng, việc lập sổ sách dễ dàng và thuận lợi hơn.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

- Về tổ chức kế toán doanh thu và thu nhập

Trải qua một quá trình đổi mới và phát triển công ty đã hoàn thành dần công tác hạch toán của mình. Công ty là một đơn vị nắm bắt nhanh chóng các thông tin kinh tế và những thay đổi về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán kế toán được áp dụng theo quy định mới của Bộ Tài Chính.

Kế toán doanh thu đã biết gắn liền với tình hình kinh doanh của công ty với những quy định hạch toán trong doanh thu, luôn phản ánh chính xác kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo tính thống nhất và nhịp nhàng trong hệ thống hạch toán kế toán tại công ty.

Việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện linh hoạt, mỗi vụ việc do một kế toán đảm nhận.

Mẫu sổ sách hoàn toàn trên máy, trương trình phần mềm kế toán AFC đã cho sẵn các mẫu sổ cái, sổ chi tiết, các loại báo cáo tổng hợp... Phù hợp với quy định của nhà nước. Đặc biệt là có thể theo dõi cả bằng VND và ngoại tệ.

- Về tổ chức kế toán chi phí

Như chúng ta đã biết chi phí kinh doanh là một vấn đề mà hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể theo dõi một cách chặt chẽ. Đáp ứng kịp thời, chính xác theo yêu cầu quản lý.

Việc theo dõi chi tiết cho từng nghiệp vụ, từng phân xưởng phòng ban đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu, tài liệu công tác đối chiếu chứng từ số liệu trong công ty được dễ dàng hơn. Qua đó đáp ứng được nhu cầu quản lý trong môi trường cạnh tranh.

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ đều được phản ánh kịp thời, theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Kế toán phản ánh chi tiết các chi phí phát sinh vào tài khoản chi tiết, thuận lợi cho việc kiểm tra và tính toán phân bổ chi phí hợp lý.

- Về công tác lập báo cáo kết quả kinh doanh

Công tác hạch toán doanh thu và chi phí một cách nhanh chóng và kịp thời và dưới sự trợ giúp của máy vi tính việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh dễ dàng và nhanh chóng hơn.

3.1.2. Những vấn đề còn tồn tại trong tổ chức kế toán

3.1.2.1. Những hạn chế trong công tác kế toán tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm mà công ty đạt được, công ty cũng có không ít những hạn chế.

Công tác kiểm kê tài sản cố định chưa được doanh nghiệp quan tâm đúng mức, trong khi đó TSCĐ của công ty chiếm một khối lượng lớn trong nguồn vốn. Điều này đã dẫn đến sự thiếu chính xác trong việc trích khấu hao, sửa chữa, mua sắm các khoản chi phí phát sinh trong kỳ của công ty.

Về hạch toán công nợ: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên, mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm dẫn đến tình trạng bị chiếm dụng vốn. Việc thu hồi nợ của công ty gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến vốn kinh doanh của doanh nghiệp, làm cho vòng quay vốn chậm lại, gây ứ đọng vốn. Công ty đã để cho các đơn vị khác chiếm dụng vốn trong khi công ty đang thiếu vốn.

Hình thức kế toán áp dụng tại công ty “Chứng từ ghi sổ” nhưng trong sổ sách quản lý của công ty chưa có chứng từ ghi sổ và Bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại.

Việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí của công ty tương đối hoàn chỉnh song việc xác định kết quả kinh doanh chưa thật sự chi tiết và phản ánh rõ đặc thù tình hình khi doanh thu của doanh nghiệp được tạo ra từ bao nguồn, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, doanh thu khác. Lợi nhuận đem lại cho doanh nghiệp từ các hoạt động này chênh nhau khá lớn, do đó cần phải làm chi tiết hơn, rõ ràng hơn về vấn đề liên quan tới vấn đề này. Để từ đó Giám

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

độc công ty có thể đưa ra những định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các khoản thu chi và các hoạt động với nhau nhằm tối đa hoá lợi nhuận một cách tốt nhất.

Công ty không sử dụng các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản giảm giá hàng bán, cũng như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu của công ty TNHH TM và Vận Tải Nhật Hoàng chủ yếu là tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ vận tải.

Công tác quản lý chi phí nguyên nhiên liệu chưa chặt chẽ dẫn doanh nghiệp không kiểm soát được chi phí dẫn đến việc sử dụng nhiên liệu lãng phí, hao hụt.

Công ty hạch toán chi phí theo đúng kỳ kế toán và phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên việc hạch toán chi phí quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa nhất quán. Lúc công ty hạch toán chi phí chuyển tiền trả tiền vào tài khoản 642, đôi khi lại hạch toán vào tài khoản 641. Do vậy, việc theo dõi chi phí không được chặt chẽ, rõ ràng

Hiện nay công ty TNHH TM và Vận Tải Nhật Hoàng có rất nhiều bạn hàng không những ở Hải Phòng mà còn cả các tỉnh thành phố khác, khách hàng mua hàng hoá hay thuê dịch vụ công ty còn cho phép khách hàng trả chậm số tiền dịch vụ sử dụng, tức là doanh nghiệp áp dụng cơ chế mở, hết sức tạo điều kiện cho khách hàng tới mua hàng và thuê dịch vụ. Điều này khó có thể tránh được nhưng tiêu cực thường có trong nền kinh tế thị trường là bản thân công ty bị các doanh nghiệp chiếm dụng vốn tương đối nhiều khách hàng cố ý dấy dựa công nợ khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tình trạng thiếu vốn. Dù vậy công ty vẫn chưa có quy định, biện pháp thu nợ hiệu quả.

- Công việc kế toán vừa thực hiện bằng tay vừa thực hiện bằng máy nên đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu và việc kiểm tra đối chiếu cũng gặp khó khăn.

- Sổ chi tiết doanh thu và chi phí cho từng hoạt động chưa được lập theo yêu cầu quản lý. Sổ chi tiết chưa đáp ứng được yêu cầu khi đối chiếu với sổ tổng hợp.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

- Chưa có hệ thống mạng nội bộ nên khi giám đốc hoặc các phòng ban muốn nắm bắt được số liệu thì phải trực tiếp đến phòng kế toán.

3.1.2.2 Hạn chế về việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh

Việc lập Báo cáo tài chính do kế toán trưởng tiến hành lập dưới sự hỗ trợ của phần mềm máy vi tính việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh nhanh chóng hơn. Tuy nhiên thì việc cung cấp đầy đủ thông tin từ sổ cái tài khoản phục vụ cho việc lập chưa chặt chẽ mà chủ yếu do phần mềm kế toán tự động kết chuyển để xác định kết quả.

Bên cạnh đó việc theo dõi chi tiết về doanh thu chi phí cho từng lĩnh vực cụ thể doanh nghiệp chưa tiến hành thường xuyên mà chỉ theo dõi chung.

Năm 2007, công ty hạch toán chung chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào chung “chi phí quản lý kinh doanh”. Nhưng sang năm 2008, 2009, để phù hợp với yêu cầu quản lý công ty đã hạch toán chi phí vào hai tài khoản riêng biệt TK 641 và TK 642.

Như đã nói ở trên, công ty hạch toán không nhất quán hai loại chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Do vậy, Công ty đã làm sai lệch hai khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.1.2.3. Hạn chế trong phân tích Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH TM –VT Nhật Hoàng là một doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa dịch vụ có quy mô vừa và nhỏ. Công ty không tiến hành phân tích chi tiết Báo cáo tài chính cũng như Báo cáo kết quả kinh doanh. Không nêu được những ảnh hưởng của các chi phí tài chính đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Chưa thấy được tình hình tài chính của công ty. Không thấy được những nguyên nhân ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kinh tế tài chính. Gây khó khăn cho người sử dụng thông tin, ban lãnh đạo công ty. Kế toán trưởng lập báo cáo tài chính và giải trình lên giám đốc và cơ quan thuế.

3.2. NHỮNG KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ PHÂN TÍCH BCKQKD TẠI CÔNG TY TNHH TM VT NHẬT HOÀNG

3.2.1. Công tác kế toán tại công ty

Công ty nên tổ chức kiểm kê tài sản, việc mua sắm, sửa chữa tài sản phải được kiểm soát chặt chẽ, giảm bớt chi phí tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh

Phòng kinh doanh cần phải đôn đốc thu hồi công nợ, giúp cho vòng quay vốn nhanh hơn, việc sản xuất kinh doanh sẽ được đảm bảo về nguồn vốn để phát triển nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần phải đáp ứng các nhu cầu sau:

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều có một cơ chế quản lý tài chính nhất định và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức tổ chức kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của từng doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý:

Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

Về quản lý nhiên liệu, chi phí thu mua và chi phí khác cần quản lý tốt hơn nữa để tiết kiệm và giảm chi phí để tăng lợi nhuận.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Công ty nên hạch toán chi phí thanh toán tiền hàng vào chi phí quản lý doanh nghiệp hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp cho nhất quán để tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

Lập các sổ chi tiết cho từng hoạt động thương mại và vận tải, doanh thu, chi phí cho từng hoạt động để thuận tiện cho việc theo dõi.

Tiến hành lập các chứng từ ghi sổ và bảng kê chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ thuận tiện hơn cho việc kiểm tra đối chiếu.

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp

Qua thực tế phân tích tình hình tài chính của công ty, có thể thấy công ty có cơ chế quản lý hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán chặt chẽ cùng với những quy định về báo cáo thực trạng kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của công ty theo định kỳ với cơ quan chủ quản.

Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán, mọi sổ sách kế toán đều được lưu giữ trong máy nên đòi hỏi các kế toán phụ trách từng phần hành phải phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Có như vậy, kế toán tổng hợp mới có thể lập được các BCTC trung thực, phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty.

Công ty trú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, trang bị thêm phương tiện hỗ trợ cho cán bộ nhân viên phòng Tài chính – Kế toán.

Đặc biệt, khi có những sự thay đổi về chuẩn mực kế toán, các thông tư sửa đổi hay sự ra đời của luật kế toán mới công ty đều cử cán bộ kế toán đi học tập rồi phổ biến cho các nhân viên kế toán còn lại nhằm điều chỉnh việc hạch toán cũng như sửa đổi bổ sung các phần trong sổ sách kế toán cho phù hợp với chế độ kế toán mới.

Tuy vậy, để đảm bảo cho công tác kế toán cho hiệu quả hơn, đòi hỏi từng phần hành phải hạch toán vào sổ kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tránh tình trạng dồn công việc đến cuối tháng, cuối kỳ sẽ dẫn đến phản ánh thiếu hoặc không chính xác tình hình tài chính của công ty. Mặt khác để đảm bảo hệ thống quản lý tài chính kế toán có chất lượng và có thể hoà nhập với nền kinh tế thế giới

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

công ty cần trang bị thêm những kiến thức về hệ thống kế toán quốc tế cũng như chuẩn mực kiểm toán trong nước và quốc tế cho đội ngũ nhân viên kế toán của công ty.

3.2.3 Về lập báo cáo kết quả kinh doanh

Xác định chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tách biệt để tiện cho việc theo dõi và phân tích

Việc lập báo cáo tài chính cuối kỳ sản xuất kinh doanh là điều bắt buộc, tuy nhiên công ty nên lập báo cáo tài chính hàng quý để phục vụ cho việc quản trị doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất của công ty chủ yếu là buôn bán sắt thép và mặt hàng chủng loại cùng với cung cấp dịch vụ vận tải. theo đó việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý sẽ giúp cho công ty có định hướng kế hoạch gia tăng lợi nhuận.

Công việc xử lý các số liệu kế toán do kế toán các phần hành thực hiện. Nhiệm vụ kế toán trưởng là tổng hợp so sánh đối chiếu số liệu giữa sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết và chuẩn bị cho việc lập báo cáo kết quả kinh doanh theo chuẩn mực kế toán hiện hành.

3.2.4 Về phân tích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tài chính là một công việc có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp. Nó không chỉ có ý nghĩa với bản thân công ty mà còn cần thiết với các chủ thể kinh tế khác. Phân tích tài chính giúp cho quản trị công ty đề ra được những giải pháp hữu hiệu nhằm đưa ra được những giải pháp tối ưu để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục những thiếu sót, phát huy mặt tích cực và dự đoán tình hình phát triển công ty trong tương lai.

Việc phân tích tài chính trong nội bộ công ty là rất cần thiết, phân tích tài chính giúp công ty nắm được thực trạng kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của mình, khắc phục những tồn tại khó khăn.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư phát triển mở rộng kinh doanh tiến tới sản xuất. Vì vậy, công ty nên tiến hành phân tích báo cáo tài chính phục vụ tốt hơn cho nhà quản trị từ đó dự đoán và lập kế hoạch trong tương lai.

Tình hình khả năng thanh toán của doanh nghiệp phản ánh rõ nét công tác tài chính. Nếu hoạt động tài chính tốt sẽ ít công nợ khả năng thanh toán dồi dào, ít đi chiếm dụng vốn và ít bị chiếm dụng vốn. Ngược lại, Hoạt động tài chính kém thì dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn của nhau, các khoản công nợ phải thu phải trả kéo dài. Khi nguồn bù đắp cho tài sản dự trữ thiếu doanh nghiệp phải đi chiếm dụng vốn và ngược lại. Nếu phần vốn đi chiếm dụng nhiều hơn phần vốn bị chiếm dụng thì doanh nghiệp có thêm một phần vốn đưa vào hoạt động kinh doanh và ngược lại. Những khoản đi chiếm dụng hợp lý là ngừng khoản đang trong hạn trả, những khoản tiền đó chưa đến hạn thanh toán. Những khoản bị chiếm dụng hợp lý là những khoản tiền bán chịu cho khách hàng đang nằm trong thời hạn thanh toán...

Để thấy rõ tình hình tài chính của công ty trong tương lai, phân tích tài chính giúp doanh nghiệp thấy được nhu cầu và khả năng thanh toán của công ty. Khi phân tích phải dựa vào tài liệu hạch toán có liên quan để sắp xếp các chỉ tiêu theo một trình tự nhất định, trình tự này phải thể hiện được nhu cầu thanh toán ngay cũng như khả năng huy động để thanh toán ngay và huy động trong thời gian tới.

Vì vậy công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo tài chính nói chung Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng để phục vụ tốt nhất cho yêu cầu quản lý, giúp nhà quản lý doanh nghiệp và người sử dụng thông tin tài chính có nhận thức chính xác, trung thực khách quan về thực trạng tài chính, khả năng sinh lời, hiệu quả quản lý kinh doanh, triển vọng cũng như rủi ro của doanh nghiệp.

Công ty cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu thông tin kế toán phân tích tình hình tài chính phù hợp với những đặc điểm kinh tế - kỹ thuật – tài chính. Hơn nữa qua việc đánh giá phân tích cần kiến nghị những giải pháp tăng cường hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

3.2.3.1. Phân tích khái quát tình hình biến động của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 3.2.3.1a. Bảng phân tích theo chiều dọc các chỉ tiêu báo cáo với doanh thu thuần

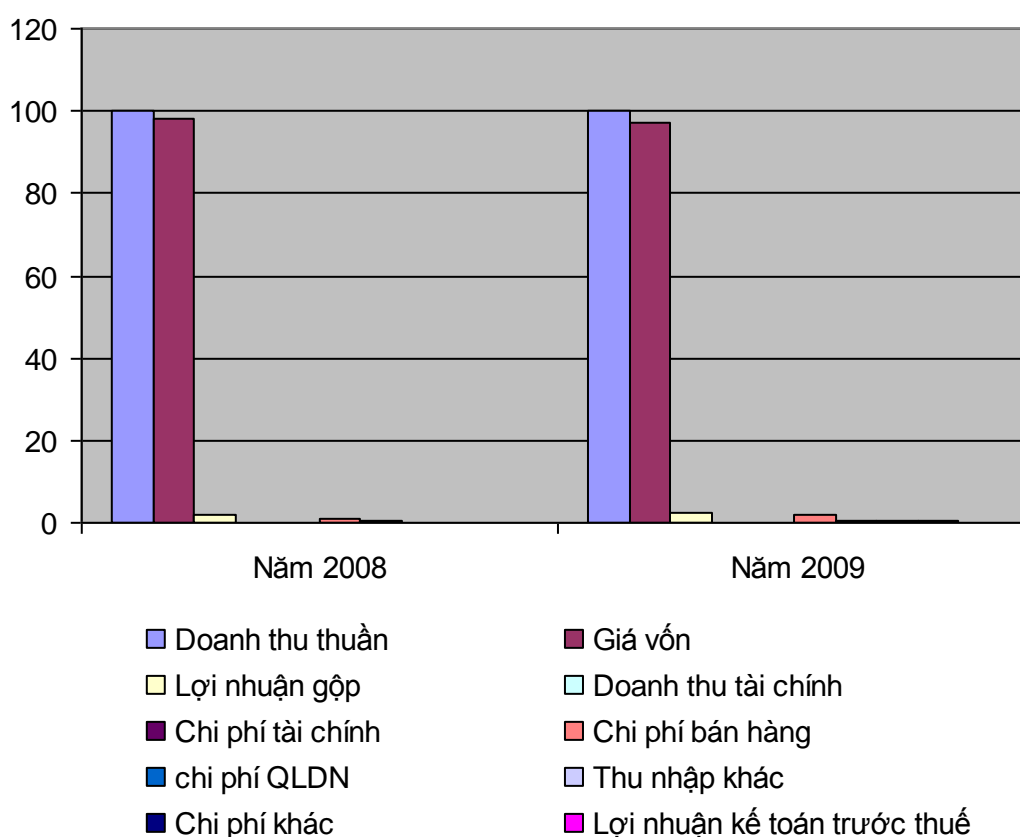
Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009	tỷ lệ so với DT(%)		Chênh lệch
			Năm 2008	Năm 2009	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	311,338,584,050	376,165,415,673	100	100	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
3. Doanh thu thuần về hàng và cung cấp dịch vụ	311,338,584,050	376,165,415,673	100	100	-
4. Giá vốn hàng bán	305,670,921,042	366,247,982,790	98.18	97.36	-0.82
5. Lợi nhuận gộp hàng và cung cấp dịch vụ	5,667,663,008	9,917,432,883	1.82	2.64	0.82
6. Doanh thu hoạt động tài chính	44,346,281	44,544,728	0.01	0.01	0.00
7. Chi phí tài chính	158,708,293	759,505,489	0.05	0.20	0.15
8. Chi phí bán hàng	3,527,121,052	6,655,699,457	1.13	1.77	0.64
9. Chi phí QLDN	1,706,733,002	2,138,762,577	0.55	0.57	0.02
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	319,446,942	408,010,088	0.10	0.11	0.01
11. Thu nhập khác	20,994,715	1,012,767,809	0.01	0.27	0.26
12. Chi phí khác		1,062,432,105	0.00	0.28	0.28
13. Lợi nhuận khác	20,994,715	-49,664,296	0.01	-0.01	-0.02
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	340,441,657	358,345,792	0.11	0.10	-0.01
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	95,387,432	88,946,999	0.03	0.02	-0.01
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	245,054,225	269,398,793	0.08	0.07	-0.01

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Bảng 3.2.3.1b: Bảng kê phân tích theo chiều ngang so sánh giữa các năm trên Báo cáo kết quả kinh doanh

Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2009	năm 2009 so với 2008	
			Mức tăng	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	311,338,584,050	376,165,415,673	64,826,831,623	20.82
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về hàng và cung cấp dịch vụ	311,338,584,050	376,165,415,673	64,826,831,623	20.82
4. Giá vốn hàng bán	305,670,921,042	366,247,982,790	60,577,061,748	19.82
5. Lợi nhuận gộp hàng và cung cấp dịch vụ	5,667,663,008	9,917,432,883	4,249,769,875	74.98
6. Doanh thu hoạt động tài chính	44,346,281	44,544,728	198,447	0.45
7. Chi phí tài chính	158,708,293	759,505,489	600,797,196	378.55
8. Chi phí bán hàng	3,527,121,052	6,655,699,457	3,128,578,405	88.70
9. Chi phí QLDN	1,706,733,002	2,138,762,577	432,029,575	25.31
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	319,446,942	408,010,088	88,563,146	27.72
11. Thu nhập khác	20,994,715	1,012,767,809	991,773,094	4723.92
12. Chi phí khác		1,062,432,105	1,062,432,105	
13. Lợi nhuận khác	20,994,715	-49,664,296	-70,659,011	-336.56
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	340,441,657	358,345,792	17,904,135	5.26
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	95,387,432	88,946,999	-6,440,433	-6.75
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	245,054,225	269,398,793	24,344,568	9.93

Đồ thị tỷ lệ % với doanh thu thuần



Sang năm 2009, để có 100 đồng doanh thu thuần thì doanh nghiệp phải bỏ ra 97.36 đồng giá vốn hàng bán. 1.77 đồng chi phí bán hàng và 0.57 đồng chi phí QLDN. Như vậy, để cùng đạt được 100 đồng doanh thu thuần thì giá vốn hàng bán năm 2009 giảm so với năm 2008 là (0.82 đồng), nhưng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 0.64 đồng và 0.02 đồng. Do công ty hoạt động kinh doanh trong thị trường thép có nhiều biến động về giá cả trong và ngoài nước. Nhưng công ty vẫn giữ được mức ổn định nguồn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tương đối ổn định qua các năm.

Khoản mục chi phí bán hàng và chi phí QLDN trên doanh thu đều gia tăng bất lợi cho công ty nhưng mức gia tăng không đáng kể và mức giảm của giá vốn do vậy lợi nhuận gộp của công ty năm 2009 tăng 0.82 đồng.

Năm 2008, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì có 0.10 đồng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh. Năm 2009 là 0.11 đồng, tăng 0.01 đồng.

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Năm 2008, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì đem lại 0.08 đồng lợi nhuận sau thuế, năm 2009, cứ 100 đồng doanh thu thuần thì mang lại cho doanh nghiệp 0.07 đồng lợi nhuận sau thuế, giảm so với năm 2008 là 0.01 đồng. Đó là kết quả của việc, doanh nghiệp sử dụng nhiều vốn vay từ bên ngoài làm cho chi phí lãi vay tăng lên là (600,797,196 đồng). Đó cũng là đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, Năm 2008 lợi nhuận khác của công ty là 20,994,715 đồng. Năm 2009, công ty lỗ là (49,664,296 đồng)

Sự biến động của khoản mục chi phí có ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh của công ty làm cho lợi nhuận của công ty không cao, tuy nhiên năm 2009 công ty vẫn giữ mức tăng lợi nhuận.

b. Phân tích sự biến động của các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh giữa các năm.

Qua tính toán ở bảng 3.2.3.1b trên cho thấy:

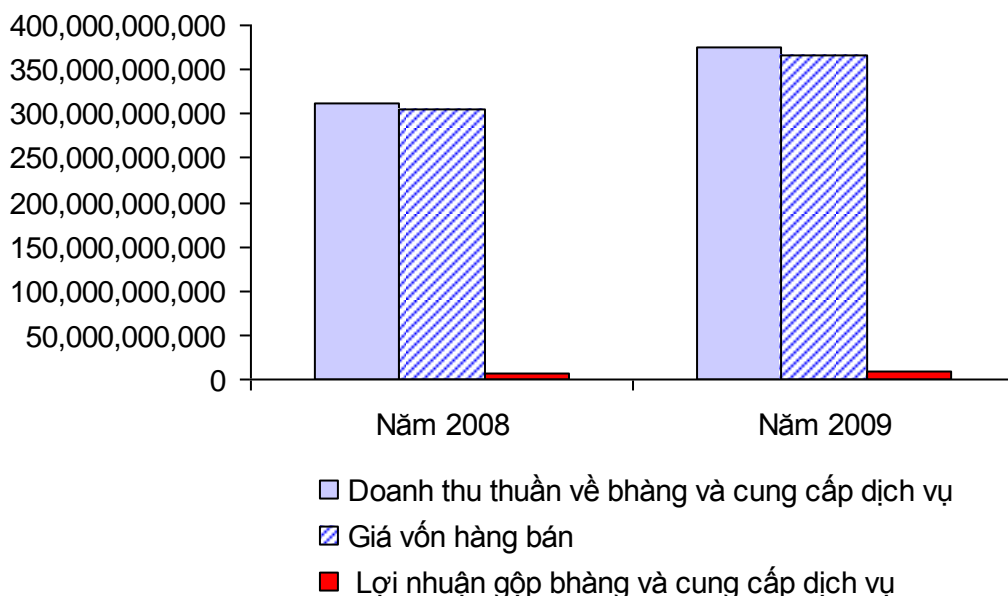
Tổng doanh thu thuần

Năm 2009 tăng so với năm 2008 là 64,826,831,632 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 20.82%

Giá vốn hàng bán: Giá vốn hàng bán năm 2009 tăng so với năm 2008 là 60,577,061,748 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 19.82%. giá vốn tăng do giá cả thị trường tăng lên, chi phí thu mua tăng cao so với năm 2008

Lãi gộp: Việc gia tăng giá vốn hàng bán không làm giảm lợi nhuận của công ty mà do năm 2008 tốc độ tăng của doanh thu là (20.82%) lớn hơn tốc độ tăng của giá vốn hàng bán (19.82%). Năm 2009, tốc độ tăng doanh thu thuần về số tương đối và tuyệt đối. doanh thu thuần tăng 64,826,831,632 đồng, giá vốn chỉ tăng 60,577,061,748 đồng so với năm 2008.

Đồ thị doanh thu-giá vốn-lợi nhuận gộp (đồng)



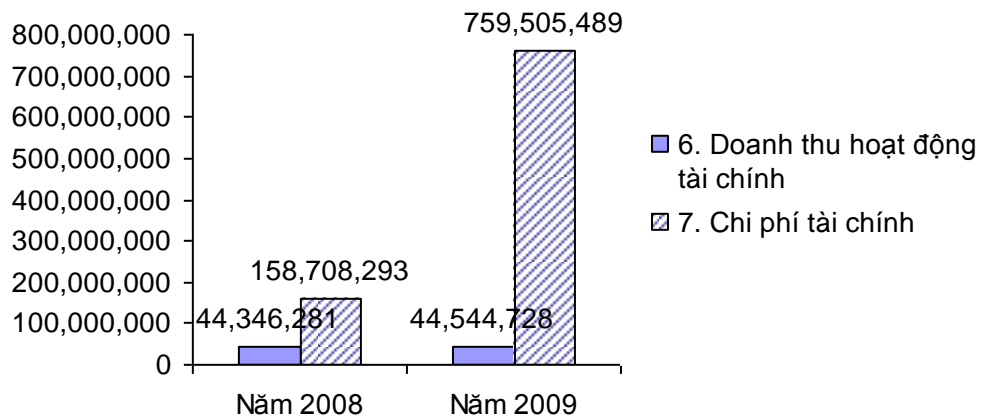
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 tăng so với năm 2009. Cụ thể: Năm 2009 chi phí bán hàng tăng 3,128,578,405 đồng (88.7%), chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 432,029,575 đồng (25.31%). Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do doanh nghiệp đang tiến hành mở rộng qui mô kinh doanh, tìm các mối làm ăn. mặt khác cũng do khâu quản lý chi phí chưa tốt.

Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2009 tăng lên là 88,563,146 đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 27.72%

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính năm 2009 tăng 600,797,196 đồng tương ứng tỷ lệ tăng 378.55%. Điều này chứng tỏ hầu như nguồn vốn kinh doanh của công ty là do đi vay nợ từ bên ngoài. Điều này có thể do chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp

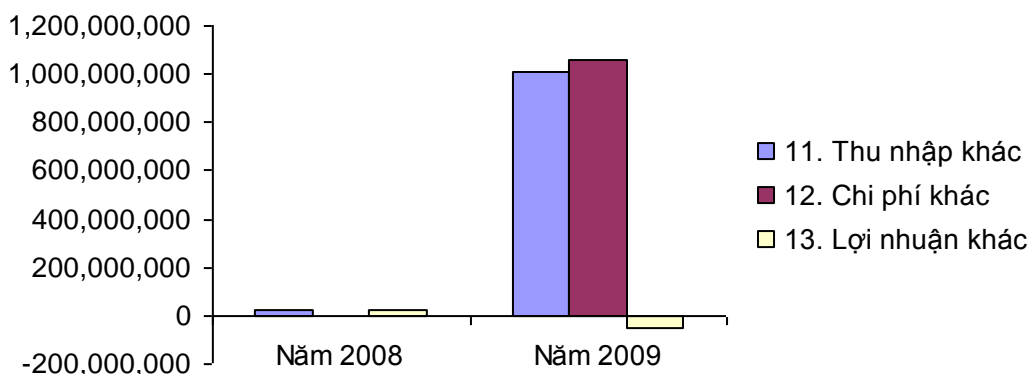
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:

**Đồ thị doanh thu tài chính-chi phí tài chính
(đồng)**



Lợi nhuận khác: Thu nhập khác của công ty năm 2008 là 20,994,715 đồng và không có chi phí khác. Năm 2009, thu nhập khác của công ty là 1,012,767,809 đồng, tăng so với năm 2008 là 991,773,094 đồng. nhưng bên cạnh đó thì chi phí bất thường lại tăng lên là 1,062,432,105 đồng. Do vậy mà năm 2009. doanh nghiệp bị lỗ từ hoạt động bất thường là 49,664,296 đồng. Điều này do trong năm công ty thanh lý nhượng bán một số tài sản cố định và một số chi phí bất thường khác.

Đồ thị doanh thu khác-chi phí khác-Lợi nhuận khác(đồng)

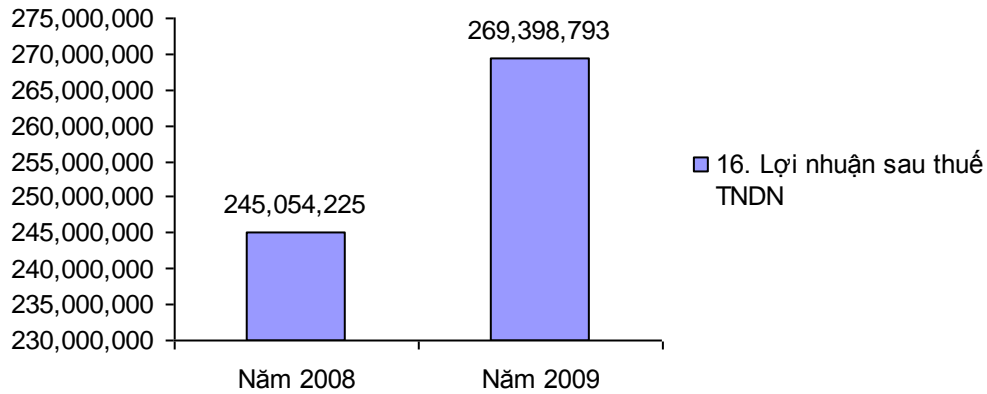


Lợi nhuận sau thuế : Lợi nhuận sau thuế năm 2009 công ty đạt được tăng 24,344,568 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 9.93 %. Điều này do lợi nhuận từ hoạt động khác giảm, chi phí tài chính và khoản mục chi phí tăng lên, tốc độ tăng lợi

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là (27.72 %). Tốc độ gia tăng doanh thu vẫn lớn hơn tốc độ gia tăng chi phí, công ty vẫn đạt được sự cân đối này.

Đồ thị Lợi nhuận sau thuế TNDN(đồng)



3.2.3.2. Phân tích các chỉ tiêu của công ty thông qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Bảng 3.2.3.2a: Một số chỉ tiêu của công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng giá trị tài sản	13,538,241,749	14,939,350,761	34,011,721,583
Tài sản ngắn hạn	10,378,489,337	9,628,229,568	29,047,676,200
Hàng tồn kho	6,958,027,384	58,132,538	4,132,421,708
Nợ phải thu	2,976,421,055	8,890,788,644	20,907,614,968
Vốn lưu động	37,010,813	647,323,319	3,680,016,232
Nợ phải trả	11,920,047,976	10,076,102,763	28,879,074,792
Nợ ngắn hạn	11,920,047,976	10,076,102,763	28,879,074,792
Vốn chủ sở hữu	1,500,000,000	4,500,000,000	4,500,000,000
Doanh thu thuần	120,609,384,817	311,338,584,050	376,165,415,673
Giá vốn hàng bán	117,825,982,996	305,670,921,042	366,247,982,790
Lợi nhuận gộp	2,783,401,821	5,667,663,008	9,917,432,883
Lãi vay	74,072,826	158,708,293	759,505,489
Lợi nhuận kế toán trước thuế	128,113,622	340,441,657	358,345,792
Lợi nhuận sau thuế	35,871,814	245,054,225	269,398,793

a) Phân tích hiệu quả sử dụng vốn của công ty qua các chỉ tiêu tài chính

Bảng 3.2.3.2b

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

1. Số vòng quay hàng tồn kho (vòng)	$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	21.8	43.7	21.9
2. Số ngày một vòng quay hàng tồn kho (ngày)	$\frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$	15.6	8.2	(7.4)
3. Vòng quay nợ phải thu (vòng)	$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Bình quân khoản nợ phải thu}}$	6.3	13.2	6.9
4. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	$\frac{360 \text{ ngày}}{\text{vòng quay nợ phải thu}}$	57.14	27.2	(29.94)
5. Vòng quay vốn lưu động (vòng)	$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$	445	173.8 5	(271.15)
6. Số ngày một vòng quay vốn lưu động	$\frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay vốn lưu động}}$	0.8	2.07	1.27
7. Vòng quay toàn bộ vốn	$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng vốn bình quân}}$	21.9	15.4	(6.5)
8. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu (%)	$\frac{\text{LNST}}{\text{Doanh thu thuần}}$	0.079	0.072	(0.007)
9. Tỷ suất lợi nhuận tổng vốn (%)	$\frac{\text{LNST}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$	1.73	1.1	(0.063)
10. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (%)	$\frac{\text{LNST}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$	8.17	5.98	(2.19)

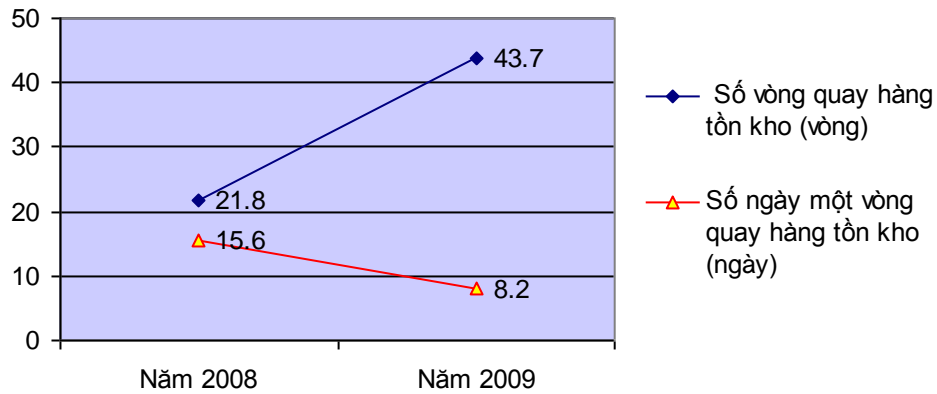
Số vòng quay và số ngày một vòng quay hàng tồn kho

Số vòng quay hàng tồn kho năm 2009 là 43.7 vòng tăng so với năm 2008 là 21.9 vòng. Số vòng quay hàng tồn kho tăng làm cho số ngày một vòng tồn kho giảm 7.4 ngày. Với sự thay đổi nhanh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho như vậy thể hiện công ty tiết kiệm tương đối vốn dự trữ hàng tồn kho, điều này cho thấy công ty đang hoạt động tốt tăng giá vốn hàng bán và giảm hàng tồn kho, tạo điều kiện

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

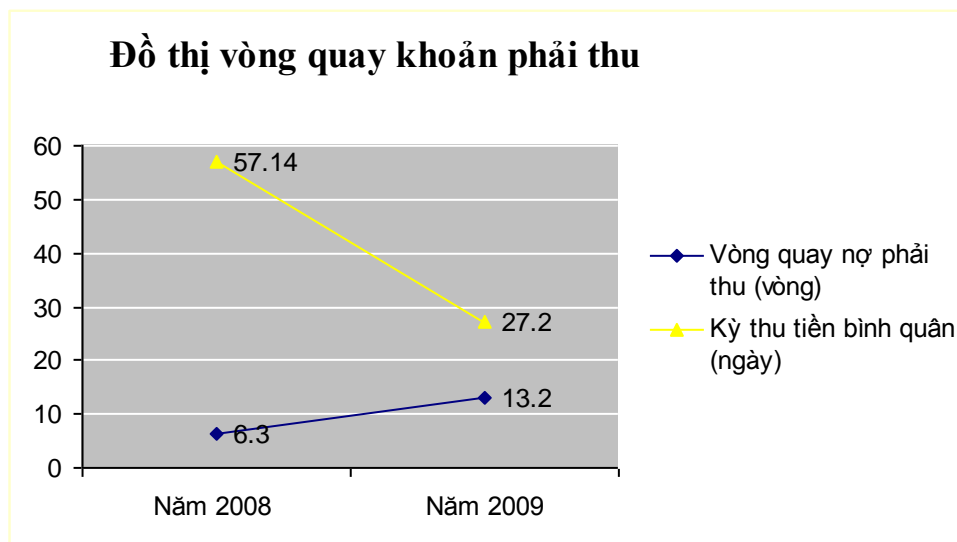
thuận lợi về vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh góp phần tăng lợi nhuận khi hoạt động có lãi. Tăng khả năng thanh toán của công ty.

Đồ thị vòng quay hàng tồn kho



Số vòng quay và số ngày một vòng quay nợ phải thu

Năm 2009 số vòng quay nợ phải thu tăng lên so với năm 2008 là 6,9 vòng . Số vòng quay nợ phải thu tăng lên làm cho kỳ thu tiền bình quân giảm xuống. Cụ thể, năm 2008 cứ 57,4 ngày công ty mới thu được các khoản phải thu. Nhưng năm 2009 thì là 27,2 ngày. Điều này chứng tỏ khả năng thu hồi nợ của công ty tăng dần từ đó tạo điều kiện hạn chế tồn đọng vốn trong thanh toán, vốn bị chiếm dụng phần nào góp phần tích cực trong thanh toán nợ của công ty.



Số vòng quay và số ngày một vòng quay vốn lưu động

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Số vòng quay vốn lưu động năm 2009 giảm 271.15 vòng so với năm 2008. Năm 2008 cứ một đồng vốn lưu động bỏ ra kinh doanh thì thu về được 445 đồng lợi nhuận. Năm 2009 là cứ 1 đồng lợi vốn lưu động bỏ ra kinh doanh mang lại 1.73.85 đồng doanh thu.

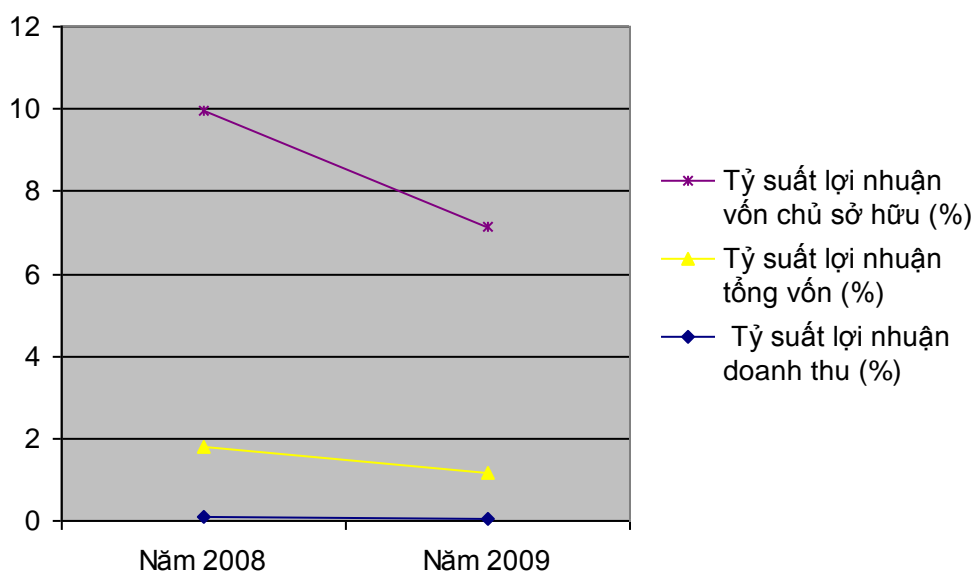
Vòng quay toàn bộ vốn

Trong quá trình quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn là vấn đề then chốt. Bởi vậy đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp là đánh giá được chất lượng quản lý sản xuất kinh doanh. Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả tổng hợp nhất quá trình sử dụng các loại vốn. Vòng quay tổng vốn năm 2009 là 15.4, năm 2008 là 21.9. Cụ thể là năm 2008 cứ 1 đồng vốn bỏ ra kinh doanh thì tạo ra 21.9 đồng doanh thu. Năm 2009 cứ 1 đồng vốn bỏ ra hoạt động kinh doanh thì tạo ra 15.4 đồng doanh thu. Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp giảm sút.

Các tỷ suất sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu năm 2009 giảm so với năm 2008 là 0.007%. Cụ thể là năm 2008 cứ 100 đ doanh thu thì tạo ra được 0.079 đ lợi nhuận sau thuế. Năm 2009 Cứ 100 đ doanh thu thì chỉ tạo ra được 0.072 đ lợi nhuận sau thuế tương ứng giảm 0.007 đ.

Đồ thị khả năng sinh lời



Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản năm 2008 là 1.73% nghĩa là cứ 100 đ tài sản doanh nghiệp sử dụng trong hoạt động kinh doanh thì tạo ra 1.73 đ lợi nhuận sau thuế. Năm 2009 tỷ lệ này giảm xuống còn 1.1% nghĩa là năm 2009 cứ 100 đ tổng tài sản tham gia vào hoạt động kinh doanh thì chỉ tạo ra được 1.1 đ lợi nhuận trước thuế, giảm 0.63 đ so với năm 2008. Tỷ lệ này thấp chứng tỏ hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp là rất thấp.

Năm 2008 vốn chủ sở hữu của công ty tăng lên là (4,863,247,998 – 1,618,193,773 = 3,245,054,225 đ) tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của công ty là 8.17%, cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thì thu được 8.17 đ lợi nhuận sau thuế. Năm 2009 tỷ lệ này đã giảm xuống chỉ còn 5.98 % giảm so với năm 2008 là 2.19 đồng.

b) Phân tích khả năng thanh toán của công ty qua các chỉ tiêu tài chính

Bảng 3.2.3.2c

Chỉ tiêu	Công thức	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch
Khả năng thanh toán tổng quát	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$	1.483	1.177	(0.306)
Tỷ lệ thanh toán nhanh	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{HTK}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0.949	0.863	(0.086)
Hệ số nợ (%)	$\frac{\text{Tổng Nợ}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$	68	85	17
Hệ số tự tài trợ (%)	1- Hệ số nợ	32	15	(17)
Hệ số thanh toán lãi nợ vay	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{lãi nợ vay}}{\text{Lãi nợ vay}}$	3.145	1.472	(1.673)

Từ bảng trên ta thấy:

Khả năng thanh toán

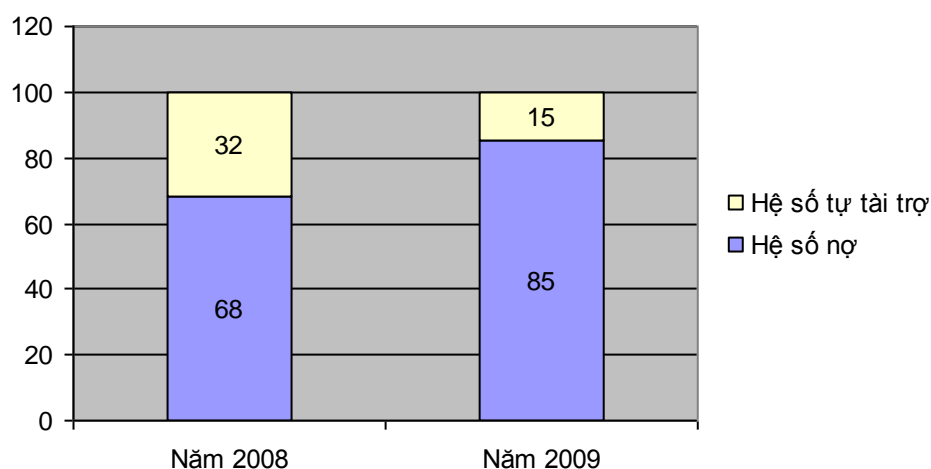
Khả năng thanh toán tổng quát của công ty trong hai năm đều lớn hơn 1. chứng tỏ công ty có đủ khả năng thanh toán. Cụ thể năm 2008 cứ 1 đồng nợ phải trả thì có 1.483 đ tài sản đảm bảo. Năm 2009 tỷ lệ này có giảm đi là 0.306 nhưng công ty vẫn đảm bảo các khoản nợ bên ngoài đều có tài sản đảm bảo. Khả năng thanh toán tổng quát của công ty giảm do nợ phải trả trong kỳ tăng lên 18,802872,029 đ. Trong khi đó tài sản tăng lên là 19,072,370,822đ.

Tỷ lệ thanh toán nhanh năm 2009 giảm so với năm 2008 là 0.086. năm 2009 công ty có 0.863 đồng thanh toán cho 1 đồng nợ ngắn hạn.

Khả năng sử dụng vốn vay

Hệ số nợ năm 2009 tăng so với năm 2008 là 17%. Năm 2008 hệ số nợ của công ty là 0.68 nghĩa là một đồng vốn kinh doanh của doanh nghiệp thì có 0.68 đồng vốn đi vay. Năm 2009 hệ số nợ là 0.85 nghĩa là cứ một đồng vốn kinh doanh của công ty thì có 0.85 đồng vốn đi vay. Sau hai năm ta thấy hệ số nợ của công ty có xu hướng tăng lên. Mọi nguồn vốn kinh doanh của công ty hầu như là đi vay, nợ. Công ty chiếm dụng một phần lớn vốn từ bên ngoài.

Đồ thị quan hệ giữa hệ số nợ và hệ số tự tài trợ (%)



Do hệ số nợ tăng lên dẫn tới tỷ suất tự tài trợ giảm.

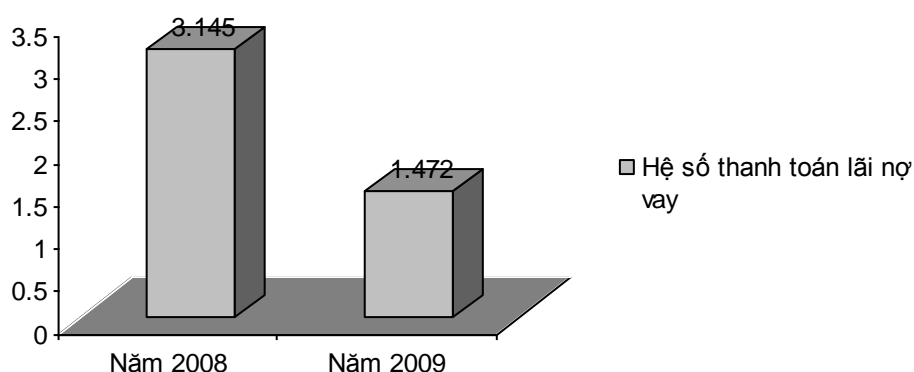
Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

Cụ thể, năm 2008 cứ một đồng vốn tham gia vào hoạt động kinh doanh thì có 0.32 đồng vốn chủ sở hữu, năm 2009 thì thấp hơn, cứ một đồng vốn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh thì chỉ có 0.15 đồng vốn chủ.

Phân tích chỉ tiêu chi phí lãi vay

Hệ số thanh toán lãi vay của công ty năm 2009 giảm so với năm 2008 cụ thể là: năm 2008 khả năng thanh toán lãi vay của công ty là khá tích cực. nhưng sang năm 2009 khả năng thanh toán lãi vay của công ty giảm xuống là 1.472 giảm 1.673 so với năm trước. Do lợi nhuận trước thuế và lãi vay tăng.

Đồ thị Hệ số thanh toán lãi nợ vay



Trong điều kiện sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường việc chi phối và quyết định toàn bộ quá trình tuần hoàn và chu chuyển (vốn) tài sản ngắn hạn là tùy thuộc vào từng công ty. Do vậy rủi ro tài chính xảy ra với mỗi công ty là do quá trình quản lý kinh doanh của mỗi công ty.

Đối với công ty TNHH TM – VT Nhật Hoàng hệ số nợ của công ty tăng lên do các khoản phải trả tăng ($28,879,074,792 - 10,076,102,763 = 18,802,972,029$ đồng), Doanh nghiệp đã chiếm dụng được một lượng vốn từ bên ngoài. Điều này cũng có lợi cho công ty vì công ty chỉ phải đóng góp một lượng vốn ít mà sở hữu được phần lớn tài sản. Tuy nhiên nợ phải trả tăng thì rủi ro về tài chính sẽ cao, công ty sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty vẫn có đủ khả năng chi trả các khoản nợ, điều này cũng cho thấy tình hình tài chính của công ty lành mạnh.

KẾT LUẬN

Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả kinh doanh nói riêng là công cụ quản lý hết sức cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Báo cáo tài chính là hình ảnh tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ và nhìn vào đây các nhà hoạch định tài chính có thể nhận thấy hình ảnh của doanh nghiệp mình trong một vài năm tới. Mọi quyết định trong quản lý đều được xuất phát từ các dữ liệu trên Bảng BCTC nói chung và BCKQKD nói riêng phải luôn được cải tiến hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu quản lý của các chủ doanh nghiệp.

Việc phân tích phải tiến hành đồng bộ và toàn diện. Cần so sánh những tỷ số mà doanh nghiệp đạt được về mặt thời gian và các tỷ số của doanh nghiệp khác cùng ngành. Có điều này là do mỗi doanh nghiệp có một đặc điểm riêng về cơ cấu đầu tư, công nghệ, chất lượng sản phẩm ... Và khác nhau về giá trị kỳ vọng các tỷ số. Bởi vậy không có gì sai lầm khi một doanh nghiệp bán hàng với một chiến lược giá thấp và thu lợi nhuận biên tế thấp để đạt tới mức doanh thu thuần cao. Do đó, vị thế tài chính mạnh không nhất thiết đòi hỏi doanh nghiệp phải đạt “trên trung bình” đối với tất cả các tỷ số.

Sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán và được sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô, cán bộ phòng kế toán, em đã hoàn thành xong luận văn tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô hướng dẫn, các thầy cô trong tổ môn quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng. Ban lãnh đạo và cán bộ công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng đã giúp đỡ em hoàn thành luận án tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Đông Thị Hằng

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI NHẬT HOÀNG

925 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NĂM 2009

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29,047,676,200	9,628,229,568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	3,680,016,232	647,323,319
1. Tiền	111		3,680,016,232	647,323,319
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.05		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20,907,614,968	8,890,788,644
1. Phải thu khách hàng	131		20,006,812,001	8,800,788,486
2. Trả trước cho người bán	132		900,802,967	90,000,158
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		4,132,421,708	58,132,538
1. Hàng tồn kho	141	III.02	4,132,421,708	58,132,538
- hàng mua đang đi đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		274,391,533	22,858,167
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			8,835,000
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144			
- Thành phẩm tồn kho	145			
- Hàng hóa tồn kho	146		3,858,030,175	26,439,371
- Hàng gửi đi bán	147			
- Hàng hóa kho bảo thuế	14A			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		327,623,292	31,985,067
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		43,858,941	
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	152		2,837,078	2,557,794
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		280,927,273	29,427,273
B. TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+230+240)	200		4,964,045,383	5,311,121,193

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

I. Tài sản cố định	210	III.03	4,749,467,165	5,311,121,193
1. TSCĐ hữu hình	211		4,749,467,165	5,311,121,193
- Nguyên giá	222		6,082,804,893	6,358,227,862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-2,053,337,728	-1,047,106,669
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	III.05		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	239			
IV. Tài sản dài hạn khác	240		214,578,218	
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248		214,578,218	
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	249			
TỔNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		34,011,721,583	14,939,350,761
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ(300=310+330)	300		28,879,074,792	10,076,102,763
I. Nợ ngắn hạn	310		28,879,074,792	10,076,102,763
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		7,363,654,593	1,380,354,593
2. Phải trả cho người bán	312		20,000,928,434	8,675,290,400
3. Người mua trả tiền trước	313		1,492,758,262	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	III.06	21,733,503	20,457,770
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318			
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	319			
II. Nợ dài hạn	320			
1. Vay và nợ dài hạn	321			
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	322			
3. Dự phòng phải trả dài hạn	329			
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	III.07	5,132,646,791	4,863,247,998
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,132,646,791	4,863,247,998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		4,500,000,000	4,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
	413			

Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng

3. Vốn khác của chủ sở hữu				
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		632,646,791	363,247,998
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Quỹ khen thưởng phúc lợi	430			
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		34,011,721,583	14,939,350,761
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Tài liệu tham khảo

1- Đọc lập và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp

NXB Thống kê: PGS. TS Ngô Thế Chi

2. Quản trị tài chính doanh nghiệp

NXB Tài Chính : PGS.TS Nghiệm Đình Kiệm

TS Nguyễn Đăng Nam

3. Chế độ kế toán doanh nghiệp

NXB Tài Chính: Bộ Tài chính

4.Giáo trình Phân tích tài chính Doanh nghiệp

NXB Tài Chính : Học Viện Tài Chính, GS.TS. Ngô Thế Chi

PGS.TS. Nguyễn Trọng Cơ

5. Nguồn số liệu công ty TNHH TM – Vận Tải Nhật Hoàng(năm 2007-2008- 2009)

*Hoàn thiện công tác kế toán lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH TM VT Nhật Hoàng*
